CÔNG TY CỔ PHẦN **NHIỆT ĐIỆN AN KHÁNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 527/2026/NĐAK-TCKT V/v chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị cấp giấy phép môi trường cho dự án Cụm công nghiệp An Khánh 1, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên	*Thái Nguyên, ngày 19 tháng 11 năm 2026*

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Biên bản phiên họp ngày 30/7/2026 của Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường Dự án Cụm công nghiệp An Khánh 1, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên. Dự án Cụm công nghiệp An Khánh 1, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên do Công ty cổ phần nhiệt điện An Khánh là chủ đầu tư, Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Thái Nguyên làm đơn vị tư vấn. Sau khi xem xét và tham khảo ý kiến đóng góp của các chuyên gia, Công ty thống nhất với đơn vị tư vấn tiến hành giải trình, chỉnh sửa và bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho dự án. Những nội dung giải trình, chỉnh sửa và bổ sung đính kèm Phụ lục công văn này.

Công ty cổ phần nhiệt điện An Khánh kính đề nghị Quý Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét cấp giấy phép môi trường cho Dự án Cụm công nghiệp An Khánh 1, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên.

Xin trân trọng cảm ơn !.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chi cục BVMT;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 4600421021 CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN AN KHÁNH X.AN KHÁNH-T.THÁI NGUYÊN

Nguyễn Văn Thắng

PHỤ LỤC

(Kèm theo công văn số: 527/2026/NĐAK-TCKT ngày 19 tháng 11 năm 2026 của Công ty cổ phần nhiệt điện An Khánh V/v chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị cấp giấy phép môi trường cho Dự án Cụm công nghiệp An Khánh 1, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
I	**Ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng**		
1	**Bà Khương Thị Hải Yến - Thành viên**		
	Làm rõ các nội dung đã trao đổi, thảo luận tại mục 2.3 nêu trên. - Báo cáo đề xuất cấp GPMT xác định CCN đã lấp đầy 100%, đề nghị Chủ dự án làm rõ diện tích đất của từng đơn vị đang hoạt động và phạm vi diện tích thuộc dự án hạ tầng CCN. - Trạm XLNT của CCN An Khánh 1 trong Báo cáo đề xuất có công suất 1.100 m^3/ngày đêm, trong khi lưu lượng nước thải đề nghị cấp phép xả thải là 1.976,5 m^3/ngày đêm. Đề nghị Chủ dự án làm rõ cơ sở xác định các thông số trên và rà soát sự phù hợp giữa công suất thiết kế, công suất xử lý và lưu lượng nước thải đề nghị cấp phép. - Đề nghị Chủ dự án làm rõ việc tái sử dụng nước sau xử lý cho các mục đích tưới cây, dập bụi, rửa phương tiện, thiết bị có phù hợp với quy định hay không. - Trạm XLNT của CCN được cải	- Hiện CCN An Khánh 1 có 02 đơn vị đang hoạt động là Nhà máy nhiệt điện An Khánh và Nhà máy xi măng Quán Triều. Diện tích đất của từng đơn vị được xác định theo hồ sơ đất đai và hồ sơ pháp lý riêng của từng dự án. Chủ dự án sẽ rà soát, bổ sung bảng tổng hợp diện tích đất, phạm vi quản lý và hiện trạng sử dụng đất của từng đơn vị để bảo đảm thống nhất với tổng diện tích CCN và phạm vi dự án đề nghị cấp GPMT. - Chủ dự án tiếp thu ý kiến của Hội đồng và sẽ rà soát lại toàn bộ cơ sở tính toán lượng nước sử dụng, lượng nước thải phát sinh, công suất thiết kế và năng lực xử lý của trạm XLNT. Trên cơ sở đó, thống nhất lại các thông số về công suất trạm XLNT và lưu lượng nước thải đề nghị cấp phép, bảo đảm có cơ sở tính toán và phù hợp với quy mô, hiện trạng hoạt động của CCN. - Nước thải sau khi xử lý qua trạm XLNT tập trung của CCN sẽ được thải ra ngoài môi trường, không thực hiện tái sử dụng cho mục đích tưới cây, dập bụi, rửa phương tiện, thiết bị. Đối với các đơn vị thứ cấp trong quá trình sản xuất có tái sử dụng nước trong quá trình sản xuất, nhu cầu sử dụng sẽ được các đơn vị đề cập trong báo cáo cấp GPMT của từng đơn vị.	-

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
	tạo từ trạm XLNT của Nhà máy nhiệt điện An Khánh, cùng chủ đầu tư nhưng là hai dự án có phạm vi và hồ sơ pháp lý khác nhau. Đề nghị làm rõ cơ sở pháp lý của việc cải tạo, chuyển đổi công trình này thành trạm XLNT tập trung của CCN.	- Trạm XLNT hiện hữu được đầu tư phục vụ Nhà máy nhiệt điện An Khánh; Chủ đầu tư Nhà máy nhiệt điện đồng thời là Chủ đầu tư hạ tầng CCN. Chủ dự án dự kiến sử dụng, cải tạo công trình hiện hữu để phục vụ xử lý nước thải tập trung của CCN. - Chủ dự án tiếp thu ý kiến Hội đồng và sẽ rà soát, bổ sung hồ sơ chứng minh quyền quản lý, sử dụng công trình, hiện trạng công trình, sự phù hợp của việc cải tạo, chuyển đổi công năng và các thủ tục pháp lý có liên quan vào hồ sơ đề nghị cấp GPMT.	
	Đề nghị rà soát, làm rõ diện tích thực hiện dự án và cơ sở pháp lý về hiện trạng sử dụng đất; bổ sung thông tin về quy hoạch, quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng đất (nếu có), diện tích đất của Nhà máy Xi măng Quán Triều và Nhà máy Nhiệt điện An Khánh, làm rõ hiện trạng sử dụng đất và tỷ lệ lấp đầy của CCN. Bổ sung đánh giá sự phù hợp của dự án với Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hồng – sông Thái Bình và Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên điều chỉnh theo Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Đồng thời, làm rõ phạm vi dự án và phạm vi đề nghị cấp GPMT, làm cơ sở đánh giá đầy đủ các tác động trong giai đoạn triển khai và vận hành.	- Chủ đầu tư xin tiếp thu và rà soát lại diện tích thực hiện dự án, cơ sở pháp lý về hiện trạng sử dụng đất theo Quyết định số 2350/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thành lập Cụm công nghiệp An Khánh 1. - Diện tích đất CCN là 47,32ha, tỷ lệ lấp đầy của CCN đạt 100%. Tổng diện tích đất đã thực hiện giải phóng mặt bằng, giao đất và được UBND tỉnh cho thuê đất là 47,32ha, trong đó: Công ty cổ phần nhiệt điện An Khánh được UBND tỉnh Thái Nguyên cho thuê đất tại Hợp đồng thuê đất số 99/HĐTĐ ngày 24/8/2012 với diện tích 26,61ha (Tổng diện tích của hợp đồng thuê đất là 28,4ha, trong đó có 26,61ha nằm trong quy hoạch, 1,79ha nằm ngoài quy hoạch, đối với phần diện tích nằm ngoài quy hoạch sẽ không thuộc phạm vi quản lý của CCN); Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI được UBND tỉnh Thái Nguyên cho thuê đất tại Hợp đồng thuê đất số 89/HĐTĐ ngày 16/10/2014 và Hợp đồng thuê đất số 90/HĐTĐ ngày 16/10/2014 với tổng diện tích 20,71ha. - Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung đánh giá sự phù hợp của dự án với Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hồng – sông Thái Bình và Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên điều chỉnh theo Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên vào báo cáo: Nước thải sau xử lý của CCN được xả vào suối Chàm Hồng, cuối cùng chảy ra sông Cầu, theo Quyết định số 50/QĐ-TTg ngày 06/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể lưu vực sông Hồng - Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050, sông Cầu được quy hoạch cấp nước cho sinh hoạt. Nước thải sau xử lý của CCN An Khánh đạt QCVN 40:2025/BTNMT (cột A, Bảng 1 với F≤2000m^3/ngày và Bảng 2) phù hợp với Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hồng – sông Thái Bình và Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên. CCN An Khánh 1 thuộc số thứ tự 12 mục I – giữ nguyên danh mục quy hoạch. Ngành nghề hoạt động của CCN là vật liệu xây dựng, nhiệt điện, gia công cơ khí theo quyết định số 292/QĐ-UBND	- Trang 8,9 Trang 57

<table>
<tr><th>STT</th><th>Ý kiến Đoàn kiểm tra</th><th>Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo</th><th>Trang trong báo cáo</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td>ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên.
- Phạm vi dự án, phạm vi đề nghị cấp giấy phép: Thực hiện cấp phép môi trường cho hạ tầng CCN An Khánh 1 với diện tích 47,32ha, đối với các đơn vị thứ cấp hoạt động trong CCN sẽ thực hiện hồ sơ cấp phép môi trường riêng.</td><td>Trang 32</td></tr>
<tr><td></td><td>Bổ sung, làm rõ hiện trạng hoạt động của Nhà máy Xi măng Quán Triều và Nhà máy Nhiệt điện An Khánh, gồm diện tích sử dụng đất, quy mô hoạt động, các nguồn phát sinh nước thải, công trình thu gom, xử lý nước thải, lưu lượng, chất lượng nước thải và tình hình xả thải hiện nay. Rà soát, thống kê đầy đủ các nguồn phát sinh nước thải trong CCN, gồm nước thải sinh hoạt và sản xuất của Nhà máy Xi măng Quán Triều, Nhà máy Nhiệt điện An Khánh, nhà điều hành CCN và nước làm mát của Nhà máy Nhiệt điện An Khánh.</td><td>- Hiện trạng hoạt động của các đơn vị thứ cấp trong CCN:
* Diện tích sử dụng đất:
Tổng diện tích đất Cụm công nghiệp đã thực hiện giải phóng mặt bằng, giao đất và được UBND tỉnh cho thuê đất là 47,32ha, trong đó: Công ty cổ phần nhiệt điện An Khánh được UBND tỉnh Thái Nguyên cho thuê đất tại Hợp đồng thuê đất số 99/HĐTĐ ngày 24/8/2012 với diện tích 26,61ha (Tổng diện tích của hợp đồng thuê đất là 28,4ha, trong đó có 26,61ha nằm trong quy hoạch; 1,79ha nằm ngoài quy hoạch – không thuộc phạm vi quản lý của CCN); Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI được UBND tỉnh Thái Nguyên cho thuê đất tại Hợp đồng thuê đất số 89/HĐTĐ ngày 16/10/2014 và Hợp đồng thuê đất số 90/HĐTĐ ngày 16/10/2014 với tổng diện tích 20,71ha.
* Quy mô hoạt động:
- Nhà máy xi măng Quán Triều: Sản xuất xi măng với công xuất là 2.000 tấn clinker/ngày tương ứng với sản lượng xi măng khoảng 800.000 tấn/năm.
- Nhà máy nhiệt điện An Khánh: Sản xuất điện (nhiệt điện than) với quy mô công suất phát lên lưới là 100MW.
* Lưu lượng nước thải:
<table>
<tr><th>TT</th><th>Nguồn phát sinh</th><th>Lưu lượng đấu nối (m^3/ngày)</th><th>Ghi chú</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Nhà máy xi măng Quán Triều</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>Nước thải sinh hoạt</td><td>40</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>Nước thải sản xuất</td><td>50</td><td></td></tr>
<tr><td>2</td><td>Nhà máy nhiệt điện An Khánh</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>Nước thải sinh hoạt</td><td>37,5</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>Nước thải sản xuất</td><td>1.871</td><td>Có khoảng 1.005m^3/ngày nước làm mát sẽ được đấu vào đầu ra của trạm xử lý, trước điểm quan trắc tự</td></tr>
</table></td><td>Trang 28-31</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Ý kiến Đoàn kiểm tra</th><th>Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo</th><th>Trang trong báo cáo</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td>
<table>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>động liên tục</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Tổng</td><td>1.998,5</td><td></td></tr>
</table>
</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>Làm rõ nguồn cấp nước, nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất, sinh hoạt, tưới cây, tưới đường, dập bụi và tỷ lệ tuần hoàn, tái sử dụng nước trong các hoạt động sản xuất. Bổ sung sơ đồ cân bằng nước cho toàn bộ dự án, thể hiện đầy đủ nguồn cấp, mục đích sử dụng, lưu lượng, chất lượng nước, lượng nước tuần hoàn, lượng nước thải phát sinh và lượng nước xả thải. Đồng thời, rà soát và làm rõ nguồn tiếp nhận nước thải theo quy định, thống nhất xác định là suối Chàm Hồng hay sông Cầu; bổ sung các thông tin cần thiết về nguồn tiếp nhận và hiện trạng xả thải.</td><td>* Nguồn cấp nước cho CCN:
CCN An Khánh hiện đang hoạt động với 02 nhà máy, các nhà máy đã đầu tư đường ống cấp nước đảm bảo cho sản xuất và sinh hoạt. Nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất của các đơn vị thứ cấp được khai thác từ nguồn nước mặt sông Cầu và nước giếng khoan. Hiện nay cả 02 nhà máy đang hoạt động đều có trạm cấp nước từ sông Cầu và đã đầu tư hệ thống xử lý nước cấp phục vụ nhu cầu sử dụng của nhà máy (các đơn vị đã được UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác nước mặt phù hợp với nhu cầu sử dụng).
Vì vậy dự án sẽ không đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước cho CCN. Nguồn cấp nước cho sinh hoạt của cán bộ công nhân vận hành hạ tầng cụm, nước cấp cho vận hành trạm xử lý nước thải được lấy từ Nhà máy nhiệt điện An Khánh (chủ CCN là chủ đầu tư Nhà máy nhiệt điện An Khánh).
* Nước thải phát sinh tại CCN sẽ dẫn về trạm XLNT tập trung để xử lý, sau đó thải ra nguồn tiếp nhận mà không tái sử dụng cho tưới cây rửa đường. Nhu cầu tái sử dụng nước tại mỗi đơn vị thứ cấp sẽ được cập nhật trong hồ sơ cấp phép môi trường của từng đơn vị.
* Chủ đầu tư xin tiếp thu và sẽ bổ sung sơ đồ cân bằng nước cho toàn bộ dự án vào báo cáo. Lượng nước thải xả ra ngoài môi trường là 2.000m^3/ngày đêm.
* Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là suối Chàm Hồng, cách cửa xả nước thải khoảng 15m.
* Thông tin về nguồn tiếp nhận và hiện trạng xả thải:
- Suối Chàm Hồng là thủy vực tự nhiên chảy qua khu vực xã An Khánh, đóng vai trò là tuyến tiêu thoát nước chính của khu vực. Dòng chảy của suối phụ thuộc chủ yếu vào lượng mưa theo mùa và nước mặt từ các lưu vực lân cận. Vào mùa mưa, lưu lượng dòng chảy tăng đáng kể do lượng nước mưa tập trung từ các khu vực đồi thấp, đất nông nghiệp và hệ thống kênh mương trong lưu vực. Ngược lại, vào mùa khô lưu lượng dòng chảy giảm, nhiều đoạn suối có mực nước thấp nhưng vẫn duy trì khả năng tiêu thoát nước tự nhiên. Suối có lòng hẹp, độ dốc thoải, chiều rộng của suối từ 2,5 - 3m, chiều sâu từ 0,5 - 1m, lưu lượng nước lớn vào mùa mưa (5.226 l/s) và nhỏ vào mùa khô (128 l/s).
- Suối Chàm Hồng là nguồn tiếp nhận nước thải của CCN An Khánh 1. Suối có chức năng tiêu thoát nước địa hình và tiếp nhận nước thải sinh hoạt của các khu dân cư lân cận và</td><td>Trang 21

<

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
		các nguồn thải khác từ các khu vực xung quanh suối.	
	Làm rõ phương án thu gom nước thải của các đơn vị về trạm XLNT tập trung, trong đó có nước thải sinh hoạt khoảng 40 m³/ngày và nước thải sản xuất khoảng 50 m³/ngày của Nhà máy Xi măng Quán Triều; làm rõ việc đấu nối nước thải của Nhà máy Nhiệt điện An Khánh vào hệ thống tập trung. Bổ sung thỏa thuận đấu nối, tiếp nhận và xả thải giữa Chủ đầu tư hạ tầng CCN và Nhà máy Xi măng Quán Triều VVMI. Rà soát, thống nhất lượng nước thải sản xuất của Nhà máy Nhiệt điện An Khánh, đặc biệt thông số 866 m³/ngày và 1.848 m³/ngày; làm rõ lượng nước làm mát khoảng 982 m³/ngày, vị trí bể trung gian và phương án đấu nối vào hệ thống quan trắc.	* Phương án thu gom nước thải: - Nước thải từ nhà máy xi măng Quán Triều: + Nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất sẽ được thu gom theo 02 đường thu gom nước thải riêng biệt. Trên đó có bố trí bể bơm chuyển bậc dẫn nước thải về trạm XLNT tập trung của CCN. + Điểm đấu nối nước thải: Số lượng 02 điểm, gồm 01 điểm đấu nối nước thải sinh hoạt và 01 điểm đấu nối nước thải sản xuất. Mỗi nguồn xả của nhà máy xi măng Quán Triều dẫn về trạm sẽ có đồng hồ đo lưu lượng để đo lượng nước thải dẫn về trạm. - Nước thải từ nhà máy nhiệt điện An Khánh: + Do nước thải được đấu nối trực tiếp về trạm XLNT tập trung, đồng thời nước thải phát sinh sẽ xử lý theo các công đoạn khác nhau, do đó sẽ bố trí các điểm đấu nối để thu nước thải dẫn về từng công đoạn xử lý khác nhau. + Điểm đấu nối nước thải: Nước thải phát sinh từ nhà máy nhiệt điện An Khánh sẽ đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của CCN qua 08 điểm đấu nối (có lắp đồng hồ đo lưu lượng, trong đó nước thải sản xuất 07 điểm, nước thải sinh hoạt 01 điểm). Đối với nước làm mát không dẫn về trạm tập trung sẽ đấu vào đường ống thoát nước thải sau xử lý qua 01 điểm (trước khi dẫn qua trạm quan trắc tự động liên tục, có lắp đồng hồ đo lưu lượng). Tổng điểm đấu nối nước thải của nhà máy nhiệt điện An Khánh về trạm XLNT của CCN là 09 điểm, bao gồm: ++ Điểm đấu 1: Đấu nước thải nhiễm dầu cầu rửa xe → đường ống thu gom nước thải của CCN → Bể gom nước thải nhiễm dầu T-101. ++ Điểm đấu 2: Đấu nước thải nhiễm dầu của nhà dầu → đường ống thu gom nước thải của CCN → Bể gom nước thải nhiễm dầu T-101. ++ Điểm đấu 3: Đấu nước thải nhiễm dầu nhà khí nén → đường ống thu gom nước thải của CCN → Bể gom nước thải nhiễm dầu T-101. ++ Điểm đấu 4: Nước thải khử khoáng, nước thải phòng thí nghiệm → đường ống thu gom nước thải của CCN → Bể gom nước thải khử khoáng T-201A/B. ++ Điểm đấu 5: Nước thải hệ thống tiền xử lý nước (nước thải bể lắng, lọc) → đường ống thu gom nước thải của CCN → Bể điều hòa T-401. ++ Điểm đấu 6: Nước thải tuabin → đường ống thu gom nước thải của CCN → Bể điều	Trang 41, 42

<table>
<tr><th>STT</th><th>Ý kiến Đoàn kiểm tra</th><th>Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo</th><th>Trang trong báo cáo</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td>hòa T-401.
++ Điểm đấu 7: Nước thải lò hơi (đã được làm mát bằng nước thải tháp làm mát) → đường ống thu gom nước thải của CCN → Bể điều hòa T-401.
++ Điểm đấu 8: Nước thải tháp làm mát → đường ống thoát nước thải của CCN (đầu ra trạm xử lý nước thải, trước điểm lấy mẫu quan trắc online).
++ Điểm đấu 9: Nước thải sinh hoạt → đường ống thu gom nước thải của CCN → Bể điều hòa T-301.
* Chủ đầu tư xin tiếp thu bổ sung thỏa thuận đấu nối, tiếp nhận và xả thải giữa Chủ đầu tư hạ tầng CCN và Nhà máy Xi măng Quán Triều VVMI vào phụ lục báo cáo.
* Sau khi rà soát lại lượng nước thải sản xuất phát sinh tại nhà máy nhiệt điện An Khánh là 1.871m^3/ngđ, trong đó nước làm mát khoảng 1.005m^3/ngđ sau khi giải nhiệt tại tháp làm mát sẽ được đấu vào đầu ra trạm XLNT CCN (trước khi qua trạm quan trắc tự động liên tục). Phương pháp đo nước thải của trạm quan trắc online sẽ thực hiện trên đường ống, do đó không bố trí bể trung gian, mương quan trắc.
* Phương án đấu nối nước thải vào hệ thống quan trắc: Trạm quan trắc tự động sẽ đấu nối vào đường ra của trạm, thực hiện đo trực tiếp trên đường ống mà không cần dùng mương quan trắc.</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>Đề nghị xác định lại công suất trạm XLNT trên cơ sở tổng lưu lượng nước thải cần tiếp nhận, xử lý, đặc biệt đối chiếu với lưu lượng xả thải đề xuất khoảng 1.976,5 m^3/ngày đêm. Làm rõ sự phù hợp giữa công suất thiết kế 1.100 m^3/ngày đêm, lưu lượng nước thải phát sinh và lưu lượng đề nghị cấp phép. Bổ sung bảng tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm XLNT tập trung; rà soát, bổ sung các thông số ô nhiễm theo QCVN 40:2025/BTNMT và giải trình khả năng đáp ứng chỉ tiêu vi</td><td>* Nước thải cần xử lý: Nước thải phát sinh tại các đơn vị thứ cấp sau khi rà soát lại gồm nước thải sản xuất và sinh hoạt phát sinh khoảng 1.998,5m^3/ngđ. Chủ đầu tư đã đề xuất và điều chỉnh lại công suất trạm xử lý nước thải của CCN là 2.000m^3/ngđ, bao gồm 02 hệ xử lý hóa lý và sinh học. Trong đó hệ hóa lý sử dụng để xử lý dòng nước thải sản xuất và hệ sinh học xử lý dòng nước thải sinh hoạt.
* Bảng tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm XLNT: Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung vào báo cáo.
Do nước thải Nhà máy nhiệt điện An Khánh đấu nối trực tiếp, do đó thực hiện lập bảng bảng tiêu chuẩn đấu nối đầu vào với Nhà máy xi măng Quán Triều như sau:
Yêu cầu chất lượng nước thải của Nhà máy xi măng Quán Triều trước khi đấu nối vào hệ XLNT sinh hoạt
<table>
<tr><th>TT</th><th>Thông số</th><th>Đơn vị</th><th>Giá trị</th></tr>
<tr><td>1.</td><td>pH</td><td>-</td><td>6 - 9</td></tr>
</table></td><td>-

Trang 146-148</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Ý kiến Đoàn kiểm tra</th><th>Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo</th><th>Trang trong báo cáo</th></tr>
<tr><td></td><td>sinh theo cột A đối với dòng nước thải sản xuất.</td><td>
<table>
<tr><td>2.</td><td>Nhiệt độ</td><td>^oC</td><td>≤ 40</td></tr>
<tr><td>3.</td><td>TSS</td><td>mg/L</td><td>≤ 80</td></tr>
<tr><td>4.</td><td>BOD_5</td><td>mg/L</td><td>≤ 60</td></tr>
<tr><td>5.</td><td>COD</td><td>mg/L</td><td>≤ 90</td></tr>
<tr><td>6.</td><td>Amoni</td><td>mg/L</td><td>≤ 10</td></tr>
<tr><td>7.</td><td>Tổng Nito</td><td>mg/L</td><td>≤ 40</td></tr>
<tr><td>8.</td><td>Tổng Photpho</td><td>mg/L</td><td>≤ 6</td></tr>
<tr><td>9.</td><td>Dầu mỡ động thực vật</td><td>mg/L</td><td>≤ 15</td></tr>
<tr><td>10.</td><td>Tổng coliform</td><td>MPN/100mL</td><td>≤ 5 000</td></tr>
</table>
Yêu cầu chất lượng nước thải của Nhà máy xi măng Quán Triều trước khi đấu nối vào hệ XLNT sản xuất
<table>
<tr><th>TT</th><th>Thông số</th><th>Đơn vị</th><th>Giá trị</th></tr>
<tr><td>1.</td><td>pH</td><td>-</td><td>6 - 9</td></tr>
<tr><td>2.</td><td>Nhiệt độ</td><td>^oC</td><td>≤ 40</td></tr>
<tr><td>3.</td><td>TSS</td><td>mg/L</td><td>≤ 80</td></tr>
<tr><td>4.</td><td>BOD_5</td><td>mg/L</td><td>≤ 60</td></tr>
<tr><td>5.</td><td>COD</td><td>mg/L</td><td>≤ 90</td></tr>
<tr><td>6.</td><td>Amoni</td><td>mg/L</td><td>≤ 10</td></tr>
<tr><td>7.</td><td>Tổng Nito</td><td>mg/L</td><td>≤ 40</td></tr>
<tr><td>8.</td><td>Tổng Photpho</td><td>mg/L</td><td>≤ 6</td></tr>
<tr><td>9.</td><td>As</td><td>mg/L</td><td>≤ 0,05</td></tr>
<tr><td>10.</td><td>Cd</td><td>mg/L</td><td>≤ 0,02</td></tr>
<tr><td>11.</td><td>Pb</td><td>mg/L</td><td>≤ 0,1</td></tr>
</table>
</td><td></td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Ý kiến Đoàn kiểm tra</th><th>Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo</th><th>Trang trong báo cáo</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td>
<table>
<tr><td>12.</td><td>Cr</td><td>mg/L</td><td>≤ 0,5</td></tr>
<tr><td>13.</td><td>Cu</td><td>mg/L</td><td>≤ 1,0</td></tr>
<tr><td>14.</td><td>Zn</td><td>mg/L</td><td>≤ 1,0</td></tr>
<tr><td>15.</td><td>Fe</td><td>mg/L</td><td>≤ 2,0</td></tr>
<tr><td>16.</td><td>Mn</td><td>mg/L</td><td>≤ 2,0</td></tr>
<tr><td>17.</td><td>Hg</td><td>mg/L</td><td>≤ 0,001</td></tr>
<tr><td>18.</td><td>Dầu mỡ khoáng</td><td>mg/L</td><td>≤ 5,0</td></tr>
<tr><td>19.</td><td>Tổng coliform</td><td>MPN/100mL</td><td>≤ 5 000</td></tr>
</table>
* Khả năng đáp ứng chỉ tiêu vi sinh theo cột A đối với dòng nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất chủ yếu chứa dầu mỡ, chất rắn lơ lửng, pH, vi sinh… Tại hệ xử lý hóa lý có bổ sung NaCLO vào thiết bị phản ứng keo tụ để khử trùng nước thải, đáp ứng chỉ tiêu vi sinh theo cột A.
</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>Bổ sung thông tin về hiện trạng trạm XLNT của Nhà máy Nhiệt điện An Khánh; tiến độ, nội dung và phương án cải tạo; giải pháp duy trì xử lý nước thải của Nhà máy trong thời gian cải tạo và đánh giá ảnh hưởng của quá trình cải tạo đến hoạt động của Nhà máy. Bổ sung vị trí mương quan trắc online, bể trung gian, các công trình khử trùng, máy ép bùn và các thiết bị chính của hệ thống.</td><td>* Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung thông tin về hiện trạng trạm XLNT của nhà máy nhiệt điện An Khánh vào báo cáo: Trạm xử lý nước thải sản xuất của nhà máy nhiệt điện An Khánh có công suất 100m^3/h tương đương 2.400m^3/ngày, xử lý theo công nghệ hóa lý. Bao gồm có xử lý nước thải nhiễm dầu, nước thải khử khoáng, nước thải tuabin, nước thải lò hơi, nước thải hệ thống xử lý nước cấp (nước thải bể lắng, lọc)… Trạm xử lý bao gồm các thiết bị điều chỉnh pH, thiết bị phản ứng keo tụ, bể tạo bông, bể lắng, bể trung hòa, thiết bị lọc. Tại thiết bị phản ứng keo tụ có bổ sung thêm NaCLO để khử trùng, diệt vi sinh vật trong nước.
* Tiến độ, nội dung, phương án cải tạo trạm xử lý nước thải
Thực hiện cải tạo trạm XLNT sản xuất của nhà máy thành trạm xử lý nước thải tập trung của CCN (xử lý dòng nước thải sản xuất), bổ sung thêm hệ xử lý sinh học (xử lý dòng nước thải sinh hoạt). Thời gian cải tạo khoảng 3 tháng, trong đó chủ yếu là lắp đặt thêm hệ xử lý sinh học, độc lập với dòng sản xuất. Đối với hoạt động cải tạo hệ hóa lý chủ yếu là thay đổi công năng một số bể (đổi tên bể), do đó thời gian cải tạo không nhiều. Chủ đầu tư sẽ căn cứ vào thời gian xả thải của nhà máy để điều chỉnh thời gian hoán đổi cho phù hợp. Trong thời gian này nước thải sản xuất và sinh hoạt của nhà máy xi măng Quán Triều sẽ được xử lý tại</td><td>Trang 15

Trang 171</td></tr>
</table>

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
		trạm xử lý nước thải của nhà máy mà không bị ảnh hưởng bởi hoạt động cải tạo này. * Mương quan trắc online, bể trung gian: Phương pháp đo nước thải của trạm quan trắc online sẽ thực hiện trên đường ống, do đó dự án không bố trí bể trung gian, mương quan trắc. * Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung thông số thiết bị khử trùng, máy ép bùn và các thiết bị chính của hệ thống vào báo cáo.	Trang 47-50
	Bổ sung, hoàn thiện sơ đồ dây chuyền công nghệ và quy trình vận hành; thể hiện rõ tên, chức năng, thông số kỹ thuật của các công trình, thiết bị. Bổ sung thông số của bể khử trùng, thiết bị khử trùng, mương quan trắc, bể trung gian và máy ép bùn. Làm rõ thiết kế, cấu tạo và biện pháp chống thấm đáy các hồ sự cố nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất; bổ sung bản vẽ các hồ sự cố. Bổ sung thông số máy phát điện dự phòng và nghiên cứu lắp đặt công tơ điện riêng cho trạm XLNT để thuận tiện theo dõi, quản lý điện năng tiêu thụ. Đồng thời, bổ sung biển tên cho đường ống công nghệ, thiết bị, công trình trong trạm XLNT.	Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung đầy đủ dây chuyền công nghệ quy trình xử lý vào báo cáo. - Thông số thiết bị khử trùng: Thiết bị khử trùng hệ xử lý dòng sinh hoạt dạng Mixer, DN200, vật liệu Inox. - Thông số máy ép bùn: G=10-15m^3/h, P=18,5kW, Kích thước máy (LxWxH)=3.600x870x1.300mm - Đối với mương quan trắc dự án không triển khai thực hiện, thực hiện đo nước thải tự động liên tục trên đường ống. - Biện pháp chống thấm hồ sự cố: Để phòng ngừa ứng phó sự cố nước thải, chủ đầu tư bố trí 01 bể sự cố đối với dòng nước thải sản xuất (bể bê tông cốt thép) và 01 bể sự cố đối với dòng nước thải sinh hoạt (bể thép). Do đây là bể sự cố kết cấu bê tông cốt thép và bể thép do đó không cần thực hiện chống thấm. Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung vào phụ lục báo cáo bản vẽ bể sự cố. - Chủ đầu tư xin tiếp thu lắp đặt công tơ điện cho riêng trạm XLNT, bổ sung biển tên cho công trình trạm XLNT. - Thông số máy phát điện dự phòng: Tần số: 50Hz; Công suất: 500KVA; Điện áp định mức: 3 pha - 4 dây, 230V/400V.	Trang 148-153 Trang 157 Trang 51
	Bổ sung thông tin thiết kế khu vực/kho chứa các bồn hóa chất của trạm XLNT; biện pháp bảo đảm an toàn, chống rò rỉ, sự cố hóa chất và biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường. Bổ sung thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động, PCCC tại khu vực	Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung vào báo cáo: - Các loại hóa chất được vận chuyển đến trạm xử lý nước thải tập trung bằng các phương tiện chuyên dụng. - Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình lưu trữ, bảo quản và sử dụng các loại hóa chất. - Cung cấp thiết bị bảo hộ, yêu cầu nhân viên vận hành sử dụng thiết bị bảo hộ khi tiếp xúc hóa chất. - Nhân viên vận hành được đào tạo chuyên môn, có kỹ thuật về xử lý nước thải, kỹ thuật môi	Trang 167-168

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
	hóa chất và kho chứa chất thải; làm rõ các biện pháp quản lý, lưu giữ và ứng phó sự cố đối với chất thải phát sinh trong quá trình vận hành trạm XLNT.	trường. - Các bồn chứa hoá chất trạm XLNT được đặt bên trên mặt sàn của Bể sự cố dòng sản xuất T-502 với diện tích 144 m^2. Kết cấu là bê tông cốt thép, được lát gạch chống ăn mòn hoá chất. - Bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy tại khu vực đặt bồn hóa chất.	
	Rà soát, thống kê đầy đủ các điểm xả nước mưa và nước thải; đối với 06 cửa xả nước mưa và điểm xả nước thải sau xử lý cần bổ sung đầy đủ tên điểm xả, vị trí, tọa độ và nguồn tiếp nhận. Bổ sung thông tin về camera giám sát tại khu vực xả thải và mương quan trắc; bố trí biển báo tại các điểm xả thải theo quy định. Rà soát cơ sở pháp lý của việc áp dụng QCVN 40:2011/BTNMT đối với kết quả quan trắc nước thải đầu vào hệ thống XLNT của Nhà máy Nhiệt điện An Khánh trong khi QCVN 40:2025/BTNMT đã có hiệu lực từ ngày 01/9/2025; làm rõ quy chuẩn áp dụng theo hồ sơ môi trường của Nhà máy và thời điểm thực hiện quan trắc.	- Chủ đầu tư xin tiếp thu bổ sung đầy đủ điểm xả nước mưa, nước thải vào bản vẽ tổng mặt bằng thoát nước mưa, nước thải. Vị trí cửa 06 cửa xả nước mưa và điểm xả nước thải sau xử lý sẽ bổ sung đầy đủ tên điểm xả, vị trí. Cam kết bổ sung đầy đủ camera giám sát theo quy định. - Tọa độ cửa xả nước thải của CCN: (theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $106^0 30'$, mùi chiếu 3^0): X = 2389161,335; Y = 424085,742. - Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Chàm Hồng. - Cơ sở pháp lý của việc áp dụng QCVN 40:2011/BTNMT đối với kết quả quan trắc nước thải đầu vào hệ thống XLNT của Nhà máy Nhiệt điện An Khánh trong khi QCVN 40:2025/BTNMT đã có hiệu lực từ ngày 01/9/2025: Nhà máy nhiệt điện An Khánh đi vào hoạt động từ năm 2015, quy chuẩn áp dụng đối với nước thải sản xuất của nhà máy là đạt QCVN 40:2011/BTNMT đến hết ngày 31/12/2031, từ ngày 01/01/2032 áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT (theo quy định tại Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp). Do đó kết quả quan trắc nước thải của hệ thống XLNT nhà máy đang được áp dụng QCVN 40:2011/BTNMT. Tuy nhiên khi thực hiện cải tạo trạm thành trạm XLNT tập trung của CCN, toàn bộ nước thải sau xử lý sẽ áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT (cột A).	Phụ lục Trang 178
2	**Bà Vi Thị Mai Hương - Thành viên**		
	Làm rõ các nội dung đã trao đổi, thảo luận tại mục 2.3 nêu trên. Đề nghị bổ sung thông tin mô tả tóm tắt hiện trạng các thành phần môi trường khu vực thực hiện dự án, làm cơ sở đánh giá khả năng chịu tải của môi trường đối với các	- Chủ dự án tiếp thu ý kiến Hội đồng và sẽ rà soát, bổ sung đầy đủ thông tin về hiện trạng nguồn tiếp nhận, đặc điểm thủy văn, chế độ dòng chảy và hiện trạng khai thác, sử dụng nước của suối Chàm Hồng; làm cơ sở đánh giá khả năng chịu tải của môi trường đối với nguồn phát sinh. - Hoạt động gia công cơ khí chủ yếu là các hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị trong phạm vi 02 cơ sở đang hoạt động trong CCN. Chất thải phát sinh chủ yếu gồm phế liệu, chất thải rắn thông thường và một số loại chất thải nguy hại từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng.	-

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
	nguồn phát sinh chất thải của dự án. Bổ sung thông tin về đặc điểm, hiện trạng chất lượng nguồn nước suối Chàm Hồng; làm rõ chức năng, mục đích sử dụng của suối ngoài tiêu thoát nước mặt; hiện trạng hệ sinh thái, đa dạng sinh học khu vực nguồn nước và khả năng bị tác động bởi dự án. Đồng thời, bổ sung thông tin chi tiết về hiện trạng khu dân cư xung quanh dự án, gồm số hộ, dân số, khoảng cách đến dự án, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, thu nhập và các đối tượng nhạy cảm có liên quan; bổ sung hiện trạng sử dụng đất và đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án.	Các đơn vị có trách nhiệm thu gom, phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải theo quy định. - Nhu cầu sử dụng nước của các đơn vị trong CCN được xác định trên cơ sở quy mô, công suất hoạt động và nhu cầu sử dụng nước thực tế của từng đơn vị. Chủ dự án sẽ rà soát, bổ sung số liệu sử dụng nước thực tế của từng đơn vị để bảo đảm thống nhất với nội dung tính toán lượng nước thải phát sinh và công suất trạm XLNT. - Trạm XLNT hiện hữu của Nhà máy nhiệt điện An Khánh có công suất khoảng 100 m³/giờ tương đương 2.400m^3/ngày theo công nghệ hóa lý. Khi cải tạo thành trạm XLNT tập trung của CCN sử dụng để xử lý dòng nước thải sản xuất hoàn toàn đáp ứng với lưu lượng nước thải phát sinh của CCN (2.000m^3/ngđ, trong đó dòng nước thải sinh hoạt 120m^3/ngđ). - Thời gian dự kiến cải tạo trạm XLNT khoảng 03 tháng. Trong thời gian cải tạo, các đơn vị thứ cấp tiếp tục xử lý nước thải phát sinh tại công trình xử lý của từng đơn vị theo hồ sơ môi trường được phê duyệt/cấp phép. Chủ dự án sẽ bổ sung phương án tổ chức thi công, đấu nối và vận hành phù hợp, bảo đảm không làm gián đoạn việc thu gom, xử lý nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của các đơn vị. - Chủ dự án tiếp thu ý kiến Hội đồng và sẽ rà soát, hoàn thiện sơ đồ thu gom nước mưa, nước thải, thể hiện rõ nguồn phát sinh, tuyến thu gom, điểm đấu nối của từng đơn vị, hệ thống xử lý nước thải tập trung và điểm xả nước thải sau xử lý. - Chủ dự án tiếp thu ý kiến Hội đồng về yêu cầu chất lượng nước thải đầu vào của trạm XLNT tập trung. Chủ dự án sẽ bổ sung tiêu chuẩn đấu nối nước thải của các đơn vị thứ cấp vào trạm XLNT tập trung, bảo đảm phù hợp với công nghệ và khả năng vận hành ổn định của hệ thống. - Theo hồ sơ hiện tại, trạm XLNT có bố trí thiết bị lọc tinh để loại bỏ tạp chất còn lại trong nước. Chủ dự án tiếp thu ý kiến Hội đồng và sẽ rà soát, bổ sung đầy đủ thông số kỹ thuật của thiết bị, loại vật liệu lọc, kích thước, nguyên lý hoạt động và vị trí của công đoạn lọc trong dây chuyền xử lý.	
	Đề nghị rà soát, phân định rõ phạm vi thu gom, quản lý và xử lý nước thải của Nhà máy Nhiệt điện An Khánh với phạm vi thu gom, thoát nước và xử lý nước thải của CCN	- Nước thải phát sinh tại Nhà máy nhiệt điện An Khánh sẽ được đơn vị thứ cấp tự thu gom, sau đó đấu nối trực tiếp vào hệ thống thu gom nước thải sản xuất của CCN dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung. Đối với nước làm mát của tháp làm mát nhà máy nhiệt điện An Khánh, một phần (khoảng 1.005m^3/ngđ) sẽ đấu vào đầu ra trạm xử lý (trước điểm quan trắc online) mà không dẫn qua các hệ xử lý do nước xả tháp làm mát đã được giải nhiệt và xử lý đạt chuẩn tại nhà máy. Theo	Trang 40-45

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
	An Khánh 1. Bổ sung thông tin về hiện trạng trạm XLNT sản xuất và trạm XLNT sinh hoạt của Nhà máy Nhiệt điện An Khánh, gồm công suất thiết kế, công suất xử lý thực tế, công nghệ xử lý và tiêu chuẩn nước thải sau xử lý. Làm rõ các hạng mục công trình, thiết bị hiện hữu thuộc Nhà máy và các hạng mục dự kiến sử dụng, cải tạo để trở thành trạm XLNT tập trung của CCN; tránh thể hiện chưa rõ ranh giới giữa hai dự án.	kết quả phân tích định kỳ đối với nước làm mát của nhà máy đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn so sánh. - Hiện trạng trạm XLNT của nhà máy nhiệt điện An Khánh: + Trạm xử lý nước thải sản xuất công suất 100m^3/h tương đương 2.400m^3/ngày, xử lý theo công nghệ hóa lý đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 32/GXN-STNMT ngày 01/9/2017. Nước thải phát sinh của nhà máy khoảng 1.871m^3/ngđ, trong đó nước thải dẫn về trạm khoảng 866m^3/ngđ gồm: Nước thải tuabin, nước thải hệ thống xử lý nước cấp, nước thải phòng thí nghiệm, nước thải khử khoáng, nước thải lò hơi, nước thải nhiễm dầu. + Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 9m^3/h, tương đương 216m^3/ngày xử lý theo công nghệ sinh học AO. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B. Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh thực tế khoảng 37,5m^3/ngđ. Khi thực hiện cải tạo trạm XLNT sản xuất của nhà máy nhiệt điện An Khánh thành trạm xử lý nước thải của CCN sẽ sử dụng hệ hóa lý hiện có để xử lý dòng nước thải sản xuất của cụm và bổ sung thêm 01 hệ xử lý sinh học độc lập để xử lý dòng nước thải sinh hoạt. Nước thải sản xuất, sinh hoạt của nhà máy nhiệt điện An Khánh sẽ được đấu nối trực tiếp vào trạm XLNT tập trung của cụm công nghiệp. Đối với trạm xử lý NT sinh hoạt của nhà máy sẽ sử dụng làm bể gom nước thải mà không sử dụng để xử lý. * Hạng mục công trình trạm xử lý nước thải sản xuất của nhà máy sẽ được sử dụng toàn bộ làm trạm XLNT tập trung của CCN.	Trang 29, 30
	Đề nghị rà soát, mô tả đầy đủ các dòng nước thải phát sinh từ 02 cơ sở đang hoạt động trong CCN và các nguồn nước thải khác thuộc phạm vi dự án; làm rõ vị trí đấu nối, lưu lượng, thành phần, tính chất của từng dòng thải và dòng nước thải sau khi đấu nối vào hệ thống chung. Bổ sung tiêu chuẩn đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom của CCN trước khi đưa về	Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung đầy đủ dòng nước thải phát sinh từ 02 cơ sở đang hoạt động và các nguồn nước thải khác thuộc phạm vi dự án vào báo cáo. Cụ thể: Gồm 03 nguồn phát sinh với tổng lưu lượng tối đa khoảng 2.000 m^3/ngày.đêm, cụ thể: - Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các nhà máy thứ cấp, nhà vệ sinh khu vực văn phòng điều hành trong Cụm công nghiệp (CCN) An Khánh 1. - Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ các nhà máy thứ cấp trong Cụm công nghiệp An Khánh 1. - Nguồn số 03: Nước thải từ máy ép bùn trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp An Khánh 1.	Trang 177

<table>
<tr><th>STT</th><th>Ý kiến Đoàn kiểm tra</th><th>Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo</th><th>Trang trong báo cáo</th></tr>
<tr><td></td><td>trạm XLNT tập trung. Tính toán tải lượng, nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án.
Đối với Nhà máy Xi măng Quán Triều, cần làm rõ nguồn nước thải sản xuất thu gom về hệ thống tập trung; mô tả phương án giải nhiệt đối với dòng nước thải có ô nhiễm nhiệt trước khi tái sử dụng; xác định lưu lượng nước ô nhiễm nhiệt, lưu lượng nước tuần hoàn và lưu lượng nước thải thực tế cần thu gom, xử lý; đồng thời bổ sung nguồn nước thải phát sinh từ trạm xử lý nước cấp của Nhà máy.
Đối với Nhà máy Nhiệt điện An Khánh, làm rõ vị trí đấu nối nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt vào trạm XLNT tập trung của CCN; phương thức kiểm soát, đo đạc lưu lượng nước thải phát sinh, trong đó xác định rõ có bố trí đồng hồ đo lưu lượng tại điểm đấu nối hay không.</td><td>
<table>
<tr><th>TT</th><th>Nguồn phát sinh</th><th>Công đoạn phát sinh</th><th>Lưu lượng (m^3/ngđ)</th><th>Thành phần</th><th>Ghi chú</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Nguồn số 01</td><td>Nước thải sinh hoạt từ các nhà máy thứ cấp trong Cụm công nghiệp An Khánh 1</td><td>78,5</td><td>Hợp chất hữu cơ, vi sinh vật</td><td rowspan="4">Dẫn về Trạm XLNT tập trung của CCN để xử lý khoảng 995m^3/ngđ (còn lại khoảng 1.005m^3/ngđ nước làm mát nhà máy nhiệt điện An Khánh đấu vào đầu ra của trạm – trước điểm lấy mẫu quan trắc tự động liên tục)</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Nguồn số 02</td><td>Nước thải sản xuất từ các nhà máy thứ cấp trong Cụm công nghiệp An Khánh 1</td><td>1.921</td><td>Chất rắn lơ lửng, pH, dầu mỡ</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Nguồn số 03</td><td>Nước thải từ máy ép bùn trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp An Khánh 1</td><td>0,5</td><td>Hợp chất hữu cơ, vi sinh vật</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="2">Tổng</td><td>2.000</td><td></td><td></td></tr>
</table>
* Vị trí đấu nối:
- Nước thải từ nhà máy xi măng Quán Triều: CCN sẽ thực hiện thu gom nước thải sản xuất và sinh hoạt sau khi xử lý qua trạm xử lý nước thải sản xuất và sinh hoạt của nhà máy dẫn về trạm tập trung của CCN. Việc kiểm soát nguồn thải, lượng tái sử dụng, giải nhiệt nước thải sẽ do đơn vị thứ cấp thực hiện. Chi tiết nguồn thải, lượng tuần hoàn, lượng thải thực tế cần thu gom sẽ được đơn vị thứ cấp thực hiện trong hồ sơ cấp phép môi trường của từng đơn vị. Phạm vi của dự án chỉ thực hiện thu gom nước thải sau trạm xử lý của nhà máy xi măng Quán Triều để xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.
Số lượng 02 điểm đấu nối nước thải của nhà máy xi măng vào hệ thống thu gom nước
</td><td>Trang 42</td></tr>
</table>

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
		thải sản xuất CCN, gồm 01 điểm đấu nối nước thải sinh hoạt và 01 điểm đấu nối nước thải sản xuất. Mỗi nguồn xả của nhà máy xi măng Quán Triều dẫn về trạm sẽ có đồng hồ đo lưu lượng để đo lượng nước thải dẫn về trạm. - Nước thải từ nhà máy nhiệt điện An Khánh: Nước thải phát sinh từ nhà máy nhiệt điện An Khánh sẽ đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của CCN qua 08 điểm đấu nối (có lắp đồng hồ đo lưu lượng, trong đó nước thải sản xuất 07 điểm, nước thải sinh hoạt 01 điểm). Đối với nước làm mát không dẫn về trạm tập trung sẽ đấu vào đường ống thoát nước thải sau xử lý qua 01 điểm (trước khi dẫn qua trạm quan trắc tự động liên tục, có lắp đồng hồ đo lưu lượng). Tổng điểm đấu nối nước thải của nhà máy nhiệt điện An Khánh về trạm XLNT của CCN là 09 điểm. * Chủ đầu tư xin tiếp thu và sẽ bổ sung tiêu chuẩn đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom của CCN trước khi đưa về trạm XLNT tập trung và tính toán tải lượng, nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt phát sinh vào báo cáo.	Trang 42 Trang 147-149
	Bổ sung sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải hiện trạng của các cơ sở thứ cấp và của CCN An Khánh 1 sau khi hoàn thành dự án. Bổ sung, làm rõ phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải trong thời gian cải tạo trạm XLNT của Nhà máy Nhiệt điện An Khánh thành trạm XLNT tập trung của CCN; xác định cụ thể thời gian cải tạo hệ thống thu gom và trạm XLNT, các hạng mục cần cải tạo, giữ nguyên và xây dựng mới, biện pháp thi công và khả năng lưu chứa nước thải trong thời gian cải tạo. Đề nghị đánh giá thời gian cần dừng hoạt động hệ thống xử lý, khả	* Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung bản vẽ tổng mặt bằng thu gom nước mưa và nước thải của CCN trong đó thể hiện phần hiện trạng thu gom và hạng mục đầu tư mới vào phụ lục báo cáo. * Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải trong thời gian cải tạo trạm XLNT của Nhà máy Nhiệt điện An Khánh thành trạm XLNT tập trung của CCN: - Thực hiện cải tạo trạm XLNT sản xuất của nhà máy thành trạm xử lý nước thải tập trung của CCN (xử lý dòng nước thải sản xuất), bổ sung thêm hệ xử lý sinh học (xử lý dòng nước thải sinh hoạt). Thời gian cải tạo khoảng 3 tháng, trong đó chủ yếu là lắp đặt thêm hệ xử lý sinh học, độc lập với dòng sản xuất. Đối với hoạt động cải tạo hệ hóa lý chủ yếu là thay đổi công năng một số bể (đổi tên bể), do đó thời gian cải tạo không nhiều. Chủ đầu tư sẽ căn cứ vào thời gian xả thải của nhà máy để điều chỉnh thời gian hoán đổi cho phù hợp. Trong thời gian này nước thải sản xuất và sinh hoạt của nhà máy xi măng Quán Triều sẽ được xử lý tại trạm xử lý nước thải của nhà máy mà không bị ảnh hưởng bởi hoạt động cải tạo này. - Các hạng mục cải tạo: Chủ yếu là thay đổi công năng bể, đổi tên bể, không thực hiện cải tạo bể và bổ sung hệ xử lý dòng nước thải sinh hoạt, do đó thời gian cải tạo không nhiều (khoảng 01 ngày), mức độ ảnh hưởng đến nhu cầu xử lý nước thải phát sinh từ nhà máy nhiệt điện An Khánh không lớn. Lúc này sẽ căn cứ vào tình hình xả thải của nhà máy để điều chỉnh công năng cho phù hợp. Sau khi điều chỉnh công năng xong nước thải sản xuất của nhà máy nhiệt điện An Khánh tiếp tục được dẫn qua trạm XLNT để xử lý đạt chuẩn trước khi xả ra ngoài môi trường.	Phụ lục báo cáo - Trang 171

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
	năng lưu chứa nước thải sản xuất tại bể sự cố, bể điều hòa của Nhà máy Nhiệt điện An Khánh và các giải pháp bảo đảm không phát sinh nguy cơ xả nước thải chưa được xử lý trong thời gian cải tạo. Lập bảng thống kê các hạng mục giữ nguyên, cải tạo, xây dựng mới và tiến độ thực hiện từng hạng mục.	* Chủ đầu tư tiếp thu và sẽ bổ sung bảng thống kê các hạng mục giữ nguyên, cải tạo, xây dựng mới và tiến độ thực hiện từng hạng mục vào báo cáo.	Trang 12, 13
	Đề nghị bổ sung, làm rõ quy trình công nghệ của các hệ thống XLNT của dự án; rà soát các thông số ô nhiễm đặc trưng trong nước thải của CCN để lựa chọn các công đoạn xử lý phù hợp, đánh giá hiệu quả xử lý của từng công đoạn và lược bỏ các thông số không có cơ sở phát sinh trong nước thải. Tính toán lại thời gian lưu nước tại bể sự cố nước thải sản xuất.	* Chủ đầu tư xin tiếp thu và làm rõ quy trình công nghệ xử lý của các hệ thống XLNT của dự án. * Đặc trưng ô nhiễm nước thải sản xuất của CCN là dầu mỡ, pH, chất rắn lơ lửng, do đó nước thải được xử lý qua các công đoạn hóa lý để xử lý triệt để, bổ sung thêm hóa chất khử trùng vào một số công đoạn xử lý, đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải sản xuất phát sinh. Đối với nước thải sinh hoạt đặc trưng là vi sinh, hợp chất hữu cơ được xử lý bằng hệ sinh học theo công nghệ AO. Nước thải sau khi xử lý qua hệ hóa lý và hệ sinh học được dẫn qua tháp lọc để loại bỏ cặn tinh, đảm bảo xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. * Bể sự cố dòng sản xuất có dung tích 790,3m^3; bể sự cố dòng sinh hoạt dung tích 119,9m^3 để lưu chứa nước thải trạm xử lý của cụm khi gặp sự cố. Khi hệ xử lý sinh học hoặc hệ xử lý hóa lý gặp sự cố lúc này nước thải phát sinh sẽ được dẫn về các bể sự cố theo từng hệ để lưu chứa, sau khi khắc phục xong sẽ bơm trở lại các bể để xử lý. Hệ xử lý hóa lý thiết kế với công suất 980m^3/ngđ thì bể sự cố dòng sản xuất có khả năng lưu chứa trong thời gian 19,4 giờ. Hệ sinh học được thiết kế với công suất 120m^3/ngđ thì bể sự cố dòng sinh hoạt có khả năng lưu chứa trong khoảng thời gian 24h. - Nước thải sau khi xử lý được dẫn qua trạm quan trắc tự động liên tục để đo các thông số, trường hợp các chỉ tiêu đo bị vượt, lúc này sẽ thực hiện đóng van xả để đánh giá nguyên nhân vượt từ hệ xử lý nào. Nếu trường hợp do hệ hóa lý lúc này sẽ thực hiện bơm nước thải vào bể sự cố dòng sản xuất, sau khi khắc phục xong sẽ thực hiện bơm dẫn trở lại bể điều hòa để tiếp tục xử lý. Trường hợp nước thải sự cố do hệ sinh học toàn bộ nước thải sẽ được bơm về bể sự dòng sinh hoạt để lưu chứa, sau khi khắc phục xong sẽ bơm trở lại bể điều hòa để xử lý. Trường hợp nước thải sự cố do dòng nước làm mát của tháp làm mát bị sự cố, lúc này	Trang 149-153 Trang 168-170

<table>
<tr><th>STT</th><th>Ý kiến Đoàn kiểm tra</th><th>Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo</th><th>Trang trong báo cáo</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td>đóng van xả dòng tháp làm mát, toàn bộ nước thải làm mát được chứa tại bể chứa nước làm mát, thực hiện khắc phục ngay hệ thống trong ngày, trường hợp chưa thể khắc phục trong ngày, lúc này nhà máy sẽ tạm dừng sản xuất để thực hiện biện pháp xử lý cho phù hợp.</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>Bổ sung thông tin chi tiết về cấu tạo các lớp vật liệu lọc, loại và kích thước vật liệu lọc. Làm rõ thông số kỹ thuật của các thiết bị chính như thiết bị tách dầu, điều chỉnh pH, phản ứng keo tụ, thiết bị lọc và các thiết bị có liên quan.</td><td>* Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung chi tiết thông tin cấu tạo lớp vật liệu lọc:
- Cấu tạo: Lõi lọc dạng lưới lọc cơ học chuyên dụng
- Công suất xử lý: 100m^3/h
- Áp suất làm việc: ≥ 0,3 Mpa
- Độ tinh lọc: ≤ 150 µm
* Thông số thiết bị tách dầu:
- Công suất xử lý: 10m^3/h;
- Dung tích: 3m^3
- Khối lượng tịnh: 5000kg
- Kích thước: 4800 x 3000 x 1500mm
* Thiết bị điều chỉnh pH: Dạng ống trộn DN150
* Thiết bị phản ứng keo tụ: Dạng ống trộn DN100
Các thiết bị khác có liên quan được trình bày chi tiết trong báo cáo.</td><td>Trang 47, 48</td></tr>
<tr><td></td><td>Bổ sung bản vẽ tổng mặt bằng hệ thống đường ống dẫn nước, dẫn bùn, cấp khí và hóa chất đến các công trình xử lý của từng hệ thống XLNT; bổ sung bản vẽ mặt bằng trạm XLNT, trong đó chú thích rõ các hạng mục giữ nguyên, cải tạo và xây dựng mới; bổ sung bản vẽ cao trình đối với các hệ thống XLNT sản xuất còn thiếu.
Đồng thời, rà soát cơ cấu sử dụng đất của CCN, bổ sung cột chú thích để phân định rõ các hạng mục công trình hiện hữu, xây dựng mới, cải tạo và xác định hạng mục thuộc</td><td>- Chủ đầu tư xin tiếp thu và sẽ bổ sung đầy đủ bản vẽ vào phụ lục báo cáo.
- Chủ đầu tư xin tiếp thu bổ sung bảng cơ cấu sử dụng đất của CCN vào báo cáo, bảng công trình hiện hữu, công trình xây dựng mới và báo cáo.
<table>
<tr><th>TT</th><th>Kí hiệu</th><th>Nhóm chức năng sử dụng đất</th><th>Diện tích (m^2)</th><th>Mật độ xây dựng tối đa (%)</th><th>Tầng cao tối đa (tầng)</th><th>Hệ số sử dụng đất tối đa (lần)</th><th>Đơn vị quản lý sử dụng</th></tr>
<tr><td>1</td><td></td><td>Đất công trình sản xuất công nghiệp, TTCN, kho tàng</td><td>274.540,70</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>CN-AK1</td><td>Đất công nghiệp số 1</td><td>59.747,27</td><td>70</td><td>5</td><td>3,5</td><td rowspan="2">Công ty cổ phần nhiệt</td></tr>
<tr><td></td><td>CN-AK2</td><td>Đất công nghiệp số 2</td><td>50.740,51</td><td>70</td><td>5</td><td>3,5</td></tr>
</table></td><td>Phụ lục báo cáo

Trang 10, 11</td></tr>
</table>

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo							Trang trong báo cáo
	Nhà máy Nhiệt điện An Khánh, Nhà máy Xi măng Quán Triều và hạ tầng chung của CCN.		CN-AK3	Đất công nghiệp số 3	6.970,17	70	5	3,5	điện An Khánh	
			CN-AK4	Đất công nghiệp số 4	15.771,90	70	5	3,5		
			CN-AK5	Đất công nghiệp số 5	11.615,45	70	5	3,5		
			CN-QT1	Đất công nghiệp số 6	35.438,80	70	5	3,5	Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI	
			CN-QT2	Đất công nghiệp số 7	28.789,47	70	5	3,5		
			CN-QT3	Đất công nghiệp số 8	65.467,13	70	5	3,5		
		2	CC-01	**Đất nhà điều hành kết hợp thương mại dịch vụ**	**4.925,74**	80	7	5,6	Công ty cổ phần nhiệt điện An Khánh	
		3		**Đất thương mại**	**24.093,98**					
			CC-02	Đất nhà ở công nhân	17.911,53	80	5	4	Công ty cổ phần nhiệt điện An Khánh	
			CC-03	Đất nhà ở công nhân	6.182,45	80	5	4	Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI	
		4		**Đất cây xanh sử dụng công cộng**	**59.722,25**					
			CX-CQ	*Đất cây xanh cảnh quan*	*14.087,97*	*5*	*1*	*0,05*	Công ty cổ phần nhiệt điện An Khánh	
			CXCL-01	*Đất cây xanh cách ly số 1*	*18.147,02*	*5*	*1*	*0,05*		
			CXCL-02	*Đất cây xanh cách ly số 2*	*2.673,79*	*5*	*1*	*0,05*		
			CXCL-03	*Đất cây xanh cách ly số 3*	*1.666,29*	*5*	*1*	*0,05*		
			CXCL-04	*Đất cây xanh cách ly số 4*	*1.253,48*	*5*	*1*	*0,05*		
			CXCL-05	*Đất cây xanh cách ly số 5*	*1.359,59*	*5*	*1*	*0,05*		
			CXCL-06	*Đất cây xanh cách ly số 6*	*2.395,07*	*5*	*1*	*0,05*	Công ty cổ phần xi	
			CXCL-07	*Đất cây xanh cách ly số 7*	*18.139,04*	*5*	*1*	*0,05*		

<table>
<tr><th>STT</th><th>Ý kiến Đoàn kiểm tra</th><th colspan="8">Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo</th><th>Trang trong báo cáo</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td colspan="8"><table>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>măng Quán Triều VVMI</td></tr>
<tr><td>5</td><td></td><td>Đất công trình hạ tầng kĩ thuật khác</td><td>39.052,58</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>HTKT-01</td><td>Trạm xử lý nước thải</td><td>3.078,47</td><td>80</td><td>1</td><td>0,8</td><td rowspan="5">Công ty cổ phần nhiệt điện An Khánh</td></tr>
<tr><td></td><td>HTKT-02</td><td>Khu tập kết rác</td><td>4.253,96</td><td>80</td><td>1</td><td>0,8</td></tr>
<tr><td></td><td>HTKT-03</td><td>Trạm điện</td><td>2.069,53</td><td>30</td><td>1</td><td>0,3</td></tr>
<tr><td></td><td>HTKT-04</td><td>Trạm điện</td><td>5.073,65</td><td>30</td><td>1</td><td>0,3</td></tr>
<tr><td></td><td>HTKT-05</td><td>Trạm cấp nước</td><td>9.566,11</td><td>80</td><td>1</td><td>0,8</td></tr>
<tr><td></td><td>HTKT-06</td><td>Trạm điện</td><td>9.380,72</td><td>30</td><td>1</td><td>0,3</td><td rowspan="4">Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI</td></tr>
<tr><td></td><td>HTKT-07</td><td>Trạm cấp nước</td><td>2.116,23</td><td>80</td><td>1</td><td>0,8</td></tr>
<tr><td></td><td>HLATĐĐ</td><td>Đất hành lang an toàn đường điện 110kv</td><td>3.513,91</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>6</td><td>BĐX</td><td>Đất bãi đỗ xe</td><td>1.410,62</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>7</td><td></td><td>Đất đường giao thông nội bộ</td><td>69.454,13</td><td></td><td></td><td></td><td>Công ty cổ phần nhiệt điện An Khánh; Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI</td></tr>
<tr><td></td><td></td><td>Tổng</td><td>473.200</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>Bổ sung, xác định rõ vị trí quan trắc nước thải của hệ thống XLNT sản xuất và hệ thống XLNT sinh hoạt tại trạm XLNT tập trung của CCN; bảo đảm vị trí quan trắc phù</td><td colspan="8">* Vị trí quan trắc nước thải :
Trạm xử lý nước thải tập trung của CCN An Khánh gồm 01 hệ xử lý nước thải sinh hoạt và 01 hệ xử lý nước thải sản xuất. Nước thải sau khi xử lý tại 02 hệ sẽ được xả vào bể trung gian, qua thiết bị lọc rồi dẫn vào trạm quan trắc tự động liên tục. Như vậy vị trí quan trắc sẽ được lắp tại vị trí sau khi nước thải sản xuất và sinh hoạt xử lý qua thiết bị lọc.</td><td>Trang 183</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Ý kiến Đoàn kiểm tra</th><th>Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo</th><th>Trang trong báo cáo</th></tr>
<tr><td></td><td>hợp với quy trình công nghệ và quy định hiện hành. Rà soát các thông số quan trắc, chỉ giữ lại các thông số có cơ sở phát sinh và phù hợp với đặc tính nước thải thực tế của dự án.</td><td>* Chủ đầu tư xin tiếp thu và rà soát lại thông số quan trắc phù hợp với đặt tính nước thải thực tế tại dự án và quy định hiện hành.</td><td>Trang 179, 180</td></tr>
<tr><td></td><td>Bổ sung nội dung giám sát việc thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý các loại chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của dự án. Đồng thời, làm rõ Nhà máy Nhiệt điện An Khánh có hoạt động gia công cơ khí hay không; nếu có, mô tả cụ thể quy mô, tính chất hoạt động và các nguồn chất thải phát sinh; rà soát và thống nhất nội dung này trong toàn bộ Báo cáo đề xuất cấp GPMT.</td><td>Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung nội dung giám sát việc thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý các loại chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của dự án vào báo cáo.
Chương trình giám sát môi trường định kỳ khác
<table>
<tr><th>TT</th><th>Hạng mục</th><th>Chỉ tiêu giám sát</th><th>Vị trí giám sát</th><th>Tần suất giám sát</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Giám sát CTR thông thường</td><td>Khối lượng, công tác thu gom, tập kết và xử lý CTR thông thường</td><td rowspan="2">Toàn bộ khu vực CCN</td><td rowspan="2">Thường xuyên</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Giám sát CTNH</td><td>Khối lượng, công tác thu gom, tập kết và xử lý CTNH</td></tr>
</table>
* Hoạt động gia công cơ khí tại các nhà máy chủ yếu là sửa chữa nhỏ máy móc thiết bị tại nhà máy, không có hoạt động lớn. Các chất thải phát sinh chủ yếu là tiếng ồn, chất thải rắn. Các nguồn chất thải sẽ được thống kê trong giấy phép môi trường của đơn vị thứ cấp.</td><td>Trang 185</td></tr>
<tr><td>3</td><td colspan="3">Ông Triệu Văn Tuấn - Đại diện Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên - Thành viên Hội đồng</td></tr>
<tr><td></td><td>Làm rõ các nội dung đã trao đổi, thảo luận tại mục 2.3 nêu trên.
- Đề nghị Chủ dự án làm rõ 02 trạm cấp nước hiện có trong CCN do Chủ đầu tư hạ tầng hay các đơn vị thứ cấp đầu tư, quản lý và vận hành.
- Trong diện tích CCN có khoảng 24.093,98 m² đất nhà ở công nhân nhưng Báo cáo chưa thể hiện rõ nội</td><td>- Hiện nay 02 trạm cấp nước trong phạm vi CCN do 02 đơn vị thứ cấp đầu tư, quản lý và vận hành để phục vụ nhu cầu sử dụng nước của từng cơ sở và sẽ được đề xuất trong hồ sơ cấp phép môi trường của nhà máy thứ cấp.
- Khu vực nhà ở công nhân nằm trong phạm vi đất của Nhà máy nhiệt điện An Khánh và Nhà máy xi măng Quán Triều và do Nhà máy quản lý. Chất thải phát sinh tại khu vực này được quản lý trong phạm vi hoạt động của Nhà máy và sẽ được đề xuất trong hồ sơ cấp phép</td><td>-</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Ý kiến Đoàn kiểm tra</th><th>Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo</th><th>Trang trong báo cáo</th></tr>
<tr><td></td><td>dung quản lý chất thải tại khu vực này. Đề nghị làm rõ phạm vi quản lý và biện pháp thu gom, xử lý chất thải phát sinh.
- Đề nghị chứng minh quyền sở hữu, quản lý và vận hành công trình trạm XLNT đang được đề xuất cải tạo thành trạm XLNT tập trung của CCN.</td><td>môi trường của nhà máy thứ cấp.

- Trạm XLNT hiện hữu thuộc công trình của Nhà máy nhiệt điện An Khánh, do Công ty cổ phần Nhiệt điện An Khánh đầu tư và quản lý. Do Công ty đồng thời là Chủ đầu tư hạ tầng CCN, Công ty dự kiến sử dụng và cải tạo công trình này để phục vụ xử lý nước thải tập trung của CCN.
Chủ dự án tiếp thu ý kiến Hội đồng và sẽ bổ sung các hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình và cơ sở pháp lý của việc cải tạo, chuyển đổi công năng công trình trong hồ sơ hoàn thiện.</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>Đề nghị làm rõ tiến độ đầu tư, hoàn thiện các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường của CCN theo quy hoạch điều chỉnh đã được phê duyệt, đặc biệt là hệ thống thu gom, thoát nước thải; trạm XLNT tập trung; hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt và diện tích cây xanh cách ly. Bổ sung bảng tổng hợp hiện trạng, tiến độ thực hiện và thời gian dự kiến hoàn thành đối với từng hạng mục.</td><td>* Tiến độ đầu tư hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình BVMT của CCN trong thời gian 03 tháng, hoàn thiện trong quý IV/2026. Do khối lượng thi công không lớn, hạng mục cải tạo trạm XLNT nước thải sản xuất của nhà máy nhiệt điện An Khánh thành trạm XLNT tập trung của CCN chủ yếu là đầu tư thêm hệ xử lý sinh học (là các công trình bể thép hợp khối), hệ hóa lý chủ yếu giữ nguyên chỉ chuyển đổi công năng 1 số bể (thời gian chuyển đổi không nhiều).
* Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung sung bảng tổng hợp hiện trạng, tiến độ thực hiện và thời gian dự kiến hoàn thành đối với từng hạng mục vào báo cáo. Tiến độ hoàn thành hạng mục trong 03 tháng hoàn thành trong quý IV/2026.</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>Bổ sung thuyết minh chi tiết quá trình cải tạo trạm XLNT hiện hữu của Nhà máy Nhiệt điện An Khánh thành trạm XLNT tập trung của CCN; làm rõ các hạng mục giữ nguyên, cải tạo, xây dựng mới, công suất thiết kế và công suất tiếp nhận theo từng giai đoạn. Đồng thời, làm rõ phương án đấu nối, lưu lượng tối đa của từng cơ sở thứ</td><td>* Chủ đầu tư xin tiếp thu bổ sung chi tiết quá trình cải tạo trạm XLNT hiện hữu của Nhà máy Nhiệt điện An Khánh thành trạm XLNT tập trung của CCN vào báo cáo.
* Các hạng mục công trình giữ nguyên, công trình cải tạo
<table>
<tr><th>STT</th><th>Hạng mục công trình</th><th>Ký hiệu</th><th>Số lượng</th><th>Thể tích hữu ích (m^3)</th><th>Ghi chú</th><th>Thời gian cải tạo</th></tr>
</table></td><td>Trang 44 – 50</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Ý kiến Đoàn kiểm tra</th><th colspan="8">Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo</th><th>Trang trong báo cáo</th></tr>
<tr><td></td><td>cấp, khả năng tiếp nhận của trạm khi CCN hoạt động ổn định và phần công suất dự phòng của hệ thống.</td><td colspan="8"><table>
<tr><td>I</td><td colspan="6">Hạng mục công trình giữ nguyên tiếp tục sử dụng – Hệ hóa lý</td><td></td></tr>
<tr><td>1</td><td>Bể gom nước thải dầu</td><td>T-101</td><td>1</td><td>179,7</td><td>Bể bê tông hiện hữu</td><td>-</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Thiết bị tách dầu</td><td>T-102</td><td>1</td><td>-</td><td>Thiết bị hiện hữu</td><td>-</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Bể gom nước khử khoáng</td><td>T-201A/B</td><td>2</td><td>338</td><td>Bể bê tông hiện hữu</td><td>-</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Thiết bị điều chỉnh pH</td><td>T-402</td><td>1</td><td>-</td><td>Thiết bị hiện hữu</td><td>-</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Thiết bị phản ứng keo tụ</td><td>T-403</td><td>1</td><td>-</td><td>Thiết bị hiện hữu</td><td>-</td></tr>
<tr><td>6</td><td>Bể phản ứng tạo bông</td><td>T-404A/B</td><td>2</td><td>32,7</td><td>Bể thép hiện hữu</td><td>-</td></tr>
<tr><td>7</td><td>Bể lắng hóa lý</td><td>T-405A/B</td><td>2</td><td>45</td><td>Bể thép hiện hữu</td><td>-</td></tr>
<tr><td>8</td><td>Bể trung hòa</td><td>T-406</td><td>1</td><td>83,8</td><td>Bể bê tông hiện hữu</td><td>-</td></tr>
<tr><td>9</td><td>Thiết bị lọc</td><td>T-408A/B</td><td>2</td><td>-</td><td>Thiết bị hiện hữu</td><td>-</td></tr>
<tr><td>10</td><td>Bể chứa bùn</td><td>T-601</td><td>1</td><td>113,9</td><td>Bể bê tông hiện hữu</td><td>-</td></tr>
<tr><td>II</td><td colspan="6">Hạng mục công trình hiện có – điều chỉnh công năng</td><td></td></tr>
<tr><td>1</td><td>Bể điều hòa chung</td><td>T-401</td><td>1</td><td>747,6</td><td>Bể bê tông hiện hữu – điều chỉnh công năng từ bể chứa dòng không liên tục</td><td>01 ngày</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Bể sự cố dòng sản xuất</td><td>T-502</td><td>1</td><td>790,3</td><td>Bể bê tông hiện hữu - điều chỉnh công năng từ bể</td><td>01 ngày</td></tr>
</table></td><td></td></tr>
</table>

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo

					chứa dòng không liên tục	
3	Bể trung gian	T-407	1	548,3	Bể bê tông hiện hữu – đổi tên bể chứa nước sạch thành bể trung gian	-
II	**Hạng mục bổ sung mới – Hệ xử lý sinh học**					
1	Bể điều hòa dòng sinh hoạt	T-301	1	56	*Bể thép bổ sung mới*	*03 tháng*
2	Bể thiếu khí	T-302	1	28	*Bể thép bổ sung mới*	
3	Bể hiếu khí	T-303	1	56	*Bể thép bổ sung mới*	
4	Bể lắng sinh học	T-304	1	31,4	*Bể thép bổ sung mới*	
5	Bể sự cố dòng sinh hoạt	T-501	1	119,9	*Bể thép bổ sung mới*	

Công suất trạm 2.000m^3/ngđ, thực hiện đấu nối nước thải phát sinh của các đơn vị thứ cấp sau khi cải tạo xong, không thực hiện chia giai đoạn. Phương án đấu nối: Nước thải sản xuất, sinh hoạt của nhà máy xi măng Quán Triều được đấu vào bể bơm chuyển bậc nước thải sản xuất, bể bơm chuyển bậc nước thải sinh hoạt sau đó bơm về trạm XLNT tập trung của CCN. Nước thải sản xuất của nhà máy nhiệt điện An Khánh được đấu vào đường ống thu gom nước thải sản xuất của CCN dẫn về trạm XLNT tập trung, nước thải sinh hoạt được bơm vào đường ống thu gom nước thải sinh hoạt dẫn về trạm xử lý NT.

- Nước thải dẫn về trạm xử lý hệ hóa lý khoảng 916,5m^3 gồm nước thải của nhà máy xi măng 50m^3/ngđ, nước thải của nhà máy nhiệt điện 866m^3/ngđ, nước thải máy ép bùn trạm XLNT 0,5m^3/ngđ (hệ hóa lý thiết kế công suất 980m^3), nước thải dẫn về hệ sinh học khoảng 78,5m^3 gồm nước thải của nhà máy xi măng 40m^3/ngđ, nước thải của nhà máy nhiệt điện 37,5m^3/ngđ, nước thải sinh hoạt của BQL CCN 1m^3/ngđ (hệ sinh học thiết kế với công suất 120m^3). Còn lại 1.005m^3 được đấu vào điểm ra của trạm XL (trước trạm quan trắc tự động liên

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
		tục).	
	Rà soát, thống nhất giữa Báo cáo đề xuất cấp GPMT và hồ sơ thiết kế hệ thống XLNT tập trung về lưu lượng xả thải, lưu lượng lớn nhất, chế độ xả, vị trí và tọa độ điểm xả, điểm đấu nối, quy chuẩn áp dụng và các nội dung đề nghị cấp phép. Làm rõ phương án kiểm soát, đo đạc lưu lượng nước thải tại các điểm đấu nối và điểm xả. Bổ sung đánh giá khả năng chịu tải của suối Chàm Hồng, đặc biệt trong điều kiện mùa kiệt; trên cơ sở đó đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải sau xử lý của CCN. Đồng thời, bổ sung phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với trạm XLNT tập trung, trong đó làm rõ khả năng lưu chứa nước thải khi hệ thống xử lý gặp sự cố, phương án cô lập dòng thải và các biện pháp bảo đảm không xả nước thải chưa đạt quy chuẩn ra môi trường.	* Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung vào báo cáo: - Vị trí xả nước thải: + Nước thải sau xử lý được bơm theo đường ống HDPE D225 xả vào nguồn tiếp nhận là suối Chàm Hồng thuộc xóm Hồng Nghè, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên. + Tọa độ vị trí xả thải (theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $106^0 30'$, mùi chiếu 3^0): X = 2389161,335; Y = 424085,742. - Lưu lượng xả nước thải tối đa: Lượng xả tối đa khoảng 2.000 m^3/ngày.đêm (khoảng 83,3 m^3/giờ). - Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức. Nước thải sau xử lý tự chảy qua trạm quan trắc tự động sau đó bơm theo đường ống HDPE D225 rồi xả lộ thiên vào ven bờ suối Chàm Hồng thuộc xóm Hồng Nghè, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên, cuối cùng chảy ra sông Cầu. - Chế độ xả nước thải: Xả liên tục (24 giờ/ngày). - Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, Bảng 1 với F $\leq$2000m^3/ngày và Bảng 2). * Nước thải tại các điểm đấu nối sẽ bố trí các đồng hồ đo lưu lượng để kiểm soát lưu lượng nước thải đầu vào trạm. * Khả năng chịu tải của suối: Khả năng chịu tải của suối: Theo kết quả phân tích một số đợt quan trắc suối Chàm Hồng đang có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ. Để đảm bảo khả năng chịu tải của suối cần thực hiện xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. * Phương án phòng ngừa ứng phó sự cố đối với trạm XLNT tập trung: ** Sự cố do máy móc thiết bị* - Trường hợp xảy ra sự cố do máy móc thiết bị, cần tuân thủ hướng dẫn vận hành trạm XLNT theo quy định. Vận hành thiết bị dự phòng, kiểm tra máy móc phát hiện nguyên nhân gây sự cố và thực hiện biện pháp ứng phó theo hướng dẫn. - Giảm hoặc ngưng bơm nước thải từ bể điều hòa lên tuyến xử lý chính để tránh quá tải cho các công đoạn khác. - Khi thiết bị được sửa chữa hoặc thay thế, vận hành trở lại hệ thống theo thứ tự ưu tiên từng	Trang 178-179 Trang 146 Trang 59 Trang 169-171

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
		công đoạn, theo dõi liên tục chất lượng đầu ra trong ít nhất 24 giờ để đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định. ** Chất lượng nước thải đầu ra vượt quy chuẩn xả thải cho phép:* - Sự cố nước thải không đạt quy chuẩn khi qua trạm quan trắc tự động liên tục: Đối với trường hợp hệ thống vận hành không ổn định dẫn đến đầu ra vượt chuẩn, CCN dự kiến sẽ bố trí 01 van đóng trên đường ống thoát nước thải, lúc này van được đóng lại, không thực hiện xả nước thải ra ngoài môi trường. Thực hiện đánh giá lại nguyên nhân do dòng nào bị sự cố, nếu dòng sinh hoạt bị sự cố toàn bộ nước thải sinh hoạt sẽ được dẫn vào bể sự cố dòng sinh hoạt để khắc phục, trường hợp dòng sản xuất bị sự cố thì nước thải sẽ được dẫn vào bể sự cố dòng sản xuất để khắc phục. Trường hợp dòng nước làm mát bị sự cố, lúc này sẽ đóng van xả nước làm mát, thực hiện lưu chứa tại bể chứa nước làm mát của nhà máy, thực hiện khắc phục trước khi đấu nối về trạm xử lý. ** Sự cố đối với cụm bể xử lý nước thải sinh hoạt:* Khi xảy ra sự cố đối với cụm bể xử lý sinh học, nước thải sẽ được dẫn vào bể sự cố dòng sinh hoạt (T-501) để lưu chứa, sau khi khắc phục xong sự cố nước thải sẽ được bơm trở lại bể điều hòa nước thải sinh hoạt (T-301) để xử lý theo quy trình. + Đối với sự cố non tải: Khi xảy ra sự cố non tải cần có phương án xử lý cho hệ sinh hoạt (tránh ảnh hưởng đến hoạt động của vi sinh). Lúc này dẫn toàn bộ nước thải về bể điều hòa sinh hoạt (T-301), tiến hành chạy theo mẻ với lưu lượng nhất định. Vận hành máy thổi khí chạy gián đoạn và bổ sung thêm cơ chất (liều chỉ nhằm duy trì hô hấp nội bào) để đảm bảo sinh khối được duy trì. Lúc này không xả bùn dư và tuần hoàn toàn bộ lượng bùn sinh ra trong quá trình vận hành giai đoạn này để tránh thất thoát. Theo dõi các chỉ số DO, pH, SV30, MLSS hàng ngày để có sự điều chỉnh phù hợp. Khi nước thải duy trì ổn định, không tăng tải đột ngột mà tiến hành tăng dần lưu lượng cấp nước, cấp khí, lưu lượng hồi lưu, lưu lượng tuần hoàn để tránh sốc tải. + Đối với sự cố quá tải: Tạm dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải, lưu chứa nước tạm thời trong toàn bộ các bể gom, bể xử lý, bể sự cố đã xây dựng. Trong trường hợp chờ khắc phục sự cố kéo dài quá thời gian cho phép lưu nước tại trạm XLNT sinh hoạt tập trung, thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý. + Đối với sự cố tắc, rò rỉ đường ống: Khóa các van đường ống dẫn đến các vị trí nứt vỡ đảm bảo chuyển hướng dòng nước để hệ thống tiếp tục hoạt động và tiến hành sửa chữa tại vị trí xảy ra sự cố. Thường xuyên nạo vét hệ thống thu gom nước thải, vệ sinh thiết bị hệ thống xử lý.	

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
		+ Kiểm soát chất lượng nước thải của đơn vị thứ cấp: Chủ dự án thực hiện lấy mẫu định kỳ và đột xuất kiểm soát, giám sát chất nước thải của các đơn vị thứ cấp đấu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung CCN. Trường hợp nước thải của các đơn vị thứ cấp vượt yêu cầu đấu nối nước thải, Chủ dự án khoá van đấu nối nước thải và yêu cầu chủ dự án thứ cấp xử lý nước thải đạt yêu cầu trước khi đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung. + Trường hợp xảy ra sự cố không thể sửa chữa trong ngày, hệ thống xử lý nước thải phải ngừng hoạt động, không xả nước thải chưa đạt yêu cầu ra ngoài môi trường. Nước thải tạm thời lưu giữ tại bể điều hòa, bể sự cố. Khi bể chứa đầy (vượt quá ngưỡng an toàn của bể) hoặc quá thời gian lưu chứa mà chưa khắc phục được sự cố, Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.	
	Bổ sung đầy đủ chương trình quan trắc trong giai đoạn vận hành thử, gồm nước thải đầu vào và đầu ra; xác định rõ vị trí, thông số, tần suất và chế độ quan trắc theo quy định hiện hành. Làm rõ yêu cầu lắp đặt, vận hành hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải trong trường hợp thuộc đối tượng phải thực hiện; đồng thời xác định rõ trách nhiệm của Chủ đầu tư hạ tầng CCN trong việc quản lý, vận hành, giám sát hệ thống XLNT tập trung, quản lý dữ liệu quan trắc và kiểm soát việc tiếp nhận nước thải của các cơ sở thứ cấp.	* Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung đầy đủ chương trình quan trắc giai đoạn vận hành thử nghiệm vào báo cáo. Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT dự án thực hiện đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả công trình xử lý ít nhất 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm, tần xuất quan trắc nước thải tối thiểu 15 ngày/lần (mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải) và đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý ít nhất 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh, tần suất quan trắc nước thải 01 lần/ngày (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn: 01 mẫu nước thải đầu vào và 07 mẫu nước thải đầu ra của công trình xử lý nước thải). * Vị trí lấy mẫu: Tại bể điều hòa đầu vào của trạm xử lý (gồm 01 mẫu tại bể điều hòa dòng nước thải sản xuất và 01 mẫu tại bể điều hòa dòng nước thải sinh hoạt); Tại cửa xả nước thải sau trạm xử lý. * Nước thải phát sinh của CCN sau khi xử lý qua trạm XLNT tập trung được xả ra ngoài môi trường với lưu lượng 2.000m^3/ngđ thuộc đối tượng lắp đặt quan trắc tự động liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và mục 1 Phụ lục XXVIII Nghị định 48/2026/NĐ-CP. * Chủ đầu tư cam kết sẽ thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc tự động liên tục, giám sát chất lượng nước thải, kết nối dữ liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường. Kiểm soát chất lượng, lưu lượng nước thải của các đơn vị thứ cấp trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước	Trang 181-185

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
		thải tập trung của CCN.	
4	**Bà Hoàng Thị Thu Trà - Đại diện Sở Công thương tỉnh Thái Nguyên - Thành viên**		
	Làm rõ các nội dung đã trao đổi, thảo luận tại mục 2.3 nêu trên. Đề nghị Chủ dự án làm rõ tiến độ thực hiện dự án; xác định cụ thể các hạng mục đã hoàn thành, đang hoạt động, đang thi công và chưa triển khai.	CCN An Khánh 1 đã được hình thành và đang hoạt động với 02 cơ sở sản xuất là Nhà máy nhiệt điện An Khánh và Nhà máy xi măng Quán Triều. Trong giai đoạn tiếp theo, Chủ dự án dự kiến hoàn thiện một số hạng mục hạ tầng kỹ thuật CCN và cải tạo, hoàn thiện trạm XLNT tập trung. Chủ dự án tiếp thu ý kiến Hội đồng và sẽ rà soát, lập bảng tổng hợp hiện trạng đầu tư đối với từng hạng mục công trình, xác định rõ hạng mục đã hoàn thành, đang hoạt động, đang đầu tư/cải tạo và chưa triển khai; đồng thời cập nhật tiến độ thực hiện vào Báo cáo đề xuất cấp GPMT.	-
	Đề nghị rà soát, thống nhất tên dự án đầu tư được sử dụng trong Báo cáo đề xuất cấp GPMT với tên dự án tại các hồ sơ pháp lý có liên quan, như Quyết định thành lập CCN, Giấy chứng nhận đầu tư và các hồ sơ pháp lý khác, bảo đảm thống nhất trong toàn bộ hồ sơ.	Chủ dự án xin tiếp thu và thống nhất tên dự án theo Quyết định thành lập Cụm công nghiệp số 2350/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 và Quyết định điều chỉnh số 3050/QĐ-UBND ngày 29/9/2026 là: “Dự án Cụm công nghiệp An Khánh 1, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên”`	-
	Đề nghị Chủ dự án rà soát, làm rõ tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng CCN đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận/phê duyệt; đối chiếu với tiến độ thi công thực tế các hạng mục hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là các công trình bảo vệ môi trường. Cần xác định rõ các hạng mục đã hoàn thành, đang thực hiện, chưa thực hiện và tiến độ dự kiến hoàn thành để bảo đảm thống nhất giữa hồ sơ pháp lý và hiện trạng dự	Tiến độ thực hiện dự án trong 3 tháng, hoàn thành trong quý IV/2026. Sau khi rà soát lại tiến độ thực hiện dự án, chủ đầu tư xin tiếp thu và đã báo cáo các đơn vị có chức năng điều chỉnh lại tiến độ thực hiện trong quyết định thành lập cụm công nghiệp. UBND tỉnh Thái Nguyên đã điều chỉnh Quyết định thành lập Cụm tại Quyết định số 3050/QĐ-UBND ngày 29/9/2026 trong đó điều chỉnh lại tiến độ thực hiện dự án đến hết năm 2027.	Phụ lục báo cáo

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
	án.		
	Đề nghị bổ sung các biện pháp bảo đảm an toàn hóa chất trong quá trình vận hành theo quy định của pháp luật chuyên ngành, trong đó làm rõ yêu cầu đối với kho/khu vực lưu chứa hóa chất; xây dựng và thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; tổ chức huấn luyện an toàn hóa chất cho người lao động; trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị và vật tư phục vụ phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, bảo đảm an toàn trong quá trình quản lý, lưu chứa và sử dụng hóa chất.	Hóa chất sử dụng đối với CCN chủ yếu là hóa chất phục vụ trạm XLNT tập trung. Để đảm bảo an toàn Ban quản lý CCN sẽ thực hiện các biện pháp sau : - Các loại hóa chất được vận chuyển đến trạm xử lý nước thải tập trung bằng các phương tiện chuyên dụng. - Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình lưu trữ, bảo quản và sử dụng các loại hóa chất. - Cung cấp thiết bị bảo hộ, yêu cầu nhân viên vận hành sử dụng thiết bị bảo hộ khi tiếp xúc hóa chất. - Nhân viên vận hành được đào tạo chuyên môn, có kỹ thuật về xử lý nước thải, kỹ thuật môi trường. - Các bồn chứa hoá chất trạm XLNT được đặt bên trên mặt sàn của Bể sự cố dòng sản xuất T-502 với diện tích 144 m^2. Kết cấu là bê tông cốt thép. Được lát gạch chống ăn mòn hoá chất. - Bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy tại khu vực đặt bồn hóa chất. - Yêu cầu các đơn vị thành viên thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn hóa chất trong quá trình hoạt động của đơn vị mình.	Trang 168-169
5	**Bà Nguyễn Thị Thụy - Đại diện Sở Tài chính - Thành viên**		
	Làm rõ các nội dung đã trao đổi, thảo luận tại mục 2.3 nêu trên. Theo Quyết định số 2350/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của UBND tỉnh, CCN An Khánh 1 có diện tích 47,32 ha, trong khi Báo cáo đề xuất cấp GPMT đang thể hiện diện tích 47,53 ha. Đề nghị Chủ dự án làm rõ cơ sở pháp lý của diện tích 47,53 ha và thống nhất lại diện tích sử dụng làm căn cứ lập hồ sơ đề nghị cấp GPMT.	Chủ dự án tiếp thu ý kiến của Hội đồng. Đối với sự chênh lệch giữa diện tích 47,32 ha theo Quyết định số 2350/QĐ-UBND và diện tích 47,53 ha thể hiện trong Báo cáo đề xuất cấp GPMT, Chủ dự án sẽ rà soát, đối chiếu hồ sơ quy hoạch, đất đai và các hồ sơ pháp lý có liên quan để xác định chính xác diện tích thực hiện dự án. Nội dung này sẽ được thống nhất và cập nhật lại trong Báo cáo đề xuất cấp GPMT và Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến Hội đồng.	-
	Theo Quyết định số 2350/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của UBND	Phần diện tích chênh lệch diện tích 0,21ha là diện tích đường giao thông đối ngoại, không nằm trong diện tích CCN. Sau khi rà soát lại diện tích, chủ đầu tư xin đề nghị cấp phép cho	-

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
	tỉnh về việc thành lập Cụm công nghiệp An Khánh 1, diện tích CCN là 47,32 ha, trong khi Báo cáo đề xuất cấp GPMT thể hiện diện tích 47,53 ha. Đề nghị Chủ dự án làm rõ cơ sở pháp lý đối với phần diện tích chênh lệch khoảng 0,21 ha; đồng thời làm rõ phần diện tích trên 2.000 m² đã được đầu tư xây dựng hay chưa, hiện trạng sử dụng và sự phù hợp với hồ sơ pháp lý của dự án.	CCN An Khánh 1 với diện tích là 47,32ha (thực hiện theo Quyết định số 2350/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 về việc thành lập Cụm công nghiệp An Khánh 1).	
	Đề nghị Hội đồng xem xét ý kiến của Ủy viên đại diện Sở Công Thương và UBND xã An Khánh về việc rà soát, xác định chính xác vị trí, phạm vi và ranh giới CCN, bảo đảm phù hợp với Phương án phát triển cụm công nghiệp, quy hoạch có liên quan và Quyết định thành lập CCN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Chủ đầu tư xin tiếp thu và xác định chính xác vị trí, phạm vi, diện tích thực hiện dự án là 47,32ha (thực hiện theo Quyết định số 2350/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 về việc thành lập Cụm công nghiệp An Khánh 1).	Trang 9
	Đề nghị Chủ dự án rà soát, thực hiện các thủ tục có liên quan đến điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và điều chỉnh Quyết định thành lập CCN theo quy định của pháp luật về quản lý cụm công nghiệp (nếu thuộc trường hợp phải điều chỉnh), bảo đảm thống nhất về quy mô,	Chủ đầu tư xin tiếp thu và thực hiện báo cáo cơ quan có chức năng điều chỉnh Quyết định cụm về tiến độ thực hiện dự án cho phù hợp với quy định pháp luật. Ngày 29/9/2026 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định điều chỉnh số 3050/QĐ-UBND trong đó điều chỉnh lại tiến độ thực hiện dự án đến hết năm 2027.	Phụ lục báo cáo

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
	diện tích, phạm vi dự án và đầy đủ cơ sở pháp lý để xem xét cấp Giấy phép môi trường.		
6	**Nguyễn Thành Đạt – Phòng Tài nguyên nước - Khí tượng thủy văn, Sở Nông nghiệp và Môi trường - Thành viên**		
	Đề nghị rà soát, thống nhất quy mô và thời gian thực hiện dự án giữa Quyết định thành lập CCN An Khánh 1 của UBND tỉnh và Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng CCN An Khánh 1 được UBND xã An Khánh phê duyệt, bảo đảm phù hợp với các hồ sơ pháp lý có liên quan.	Chủ đầu tư xin tiếp thu và thực hiện điều chỉnh lại tiến độ thực hiện dự án trong quyết định thành lập cụm theo quy định của pháp luật.	-
	Bổ sung, làm rõ tổng nhu cầu sử dụng nước của dự án và nhu cầu sử dụng nước thực tế của các cơ sở đang hoạt động trong CCN, gồm Nhà máy Xi măng Quán Triều và Nhà máy Nhiệt điện An Khánh; rà soát, bảo đảm thống nhất giữa nhu cầu sử dụng nước, lượng nước cấp, lượng nước tuần hoàn và lượng nước thải phát sinh.	Tổng nhu cầu sử dụng nước của dự án đang được xác định dựa trên tổng nhu cầu sử dụng nước thực tế của 02 đơn vị thành viên đang hoạt động.	-
	Làm rõ số lượng cán bộ, công nhân viên sử dụng nước tại từng cơ sở; số người lưu trú tại Nhà máy, số người làm việc theo ca và các đối tượng sử dụng nước khác (nếu có). Nêu rõ căn cứ xác định nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt, trên cơ sở số liệu thực tế hoặc định mức, tiêu chuẩn sử dụng nước hiện hành.	Tổng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt dựa trên tổng lượng nước sử dụng thực tế tại 02 đơn vị thành viên.	-

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
	Làm rõ mục đích, quy mô và lưu lượng sử dụng nước phục vụ sản xuất tại Nhà máy Xi măng Quán Triều và Nhà máy Nhiệt điện An Khánh, trong đó phân định cụ thể nước làm mát máy móc, thiết bị; nước làm ướt tro, xỉ; nước vệ sinh công nghiệp và các mục đích sử dụng khác. Đối với các nguồn nước có tuần hoàn, cần xác định rõ lượng nước cấp bổ sung và lượng nước tuần hoàn.	Lượng nước sử dụng của CCN được xác định dựa trên lượng nước sử dụng thực tế tại 02 đơn vị thành viên đang hoạt động trong cụm. Chi tiết lượng nước tái sử dụng cho từng hạng mục sản xuất của từng đơn vị thành viên sẽ được cập nhật chi tiết trong báo cáo cấp phép môi trường của cơ sở. Phạm vi dự án án cấp phép cho cụm công nghiệp sẽ cập nhật lượng nước sử dụng chung cho toàn cụm.	-
	Làm rõ nhu cầu sử dụng nước cho tưới cây, rửa đường, rửa xe và các mục đích phụ trợ khác. Đồng thời, nêu rõ phương pháp và số liệu làm căn cứ xác định nhu cầu sử dụng nước của CCN, như số liệu đồng hồ đo lưu lượng nước cấp/khai thác, số liệu vận hành thực tế, số liệu nước thải phát sinh hoặc định mức, tiêu chuẩn sử dụng nước hiện hành; bảo đảm các số liệu được sử dụng thống nhất và có cơ sở kiểm chứng.	- Nước sử dụng cho dự án bao gồm: nước cho khu điều hành, khu hạ tầng, tưới cây, rửa đường khoảng 207,5m^3/ngđ, nước chữa cháy khoảng 972m^3/ngđ, nước sử dụng cho các đơn vị thứ cấp (theo nhu cầu thực tế) 8.365 m^3/ngđ gồm sử dụng cho sản xuất, sinh hoạt tại mỗi đơn vị. - Lượng nước sử dụng cho 02 đơn vị thứ cấp là lượng nước sử dụng theo thực tế hoạt động sản xuất, các đơn vị hiện đang khai thác nước từ sông Cầu, nước giếng khoan phục vụ cho nhu cầu sản xuất của từng đơn vị. - Lượng nước thải phát sinh: Nhà máy nhiệt điện An Khánh lượng thải khoảng 37,5m^3/ngđ là nước thải sinh hoạt, 1.871m^3/ngđ là nước thải sản xuất. Nhà máy xi măng Quán Triều khoảng 50m^3/ngđ là nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt khoảng 40m^3/ngđ.	Trang 22
7	**Ông Dương Như Long - Chuyên viên Chi cục BVMT, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên - Thành viên**		
	Làm rõ các nội dung đã trao đổi, thảo luận tại mục 2.3 nêu trên. Đề nghị Chủ dự án xác định rõ các hồ sơ pháp lý làm căn cứ thực hiện và đề nghị cấp GPMT đối với dự án. Do CCN được hình thành trên cơ sở đã có 02 cơ sở sản xuất đang	Dự án đã được thực hiện trên cơ sở các hồ sơ pháp lý về đầu tư, quy hoạch, môi trường và Quyết định số 2350/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của UBND tỉnh về việc thành lập CCN An Khánh 1. Đối với các hạng mục đầu tư, cải tạo hạ tầng trong giai đoạn hiện nay, Chủ dự án dự kiến thực hiện cải tạo, hoàn thiện các công trình hiện hữu và đầu tư bổ sung một số hạng mục hạ tầng kỹ thuật; không dự kiến phá dỡ các công trình sản xuất hiện hữu của 02 đơn vị đang hoạt động.	-

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
	hoạt động, đề nghị làm rõ việc triển khai các hạng mục đầu tư, cải tạo hạ tầng có phải phá dỡ các công trình hiện hữu hay không.	Chủ dự án tiếp thu ý kiến và sẽ rà soát, hệ thống hóa đầy đủ các hồ sơ pháp lý làm căn cứ xác định phạm vi, quy mô và nội dung đề nghị cấp GPMT, cập nhật trong Báo cáo đề xuất cấp GPMT.	
	Đề nghị rà soát, làm rõ ranh giới, diện tích thực hiện dự án, bảo đảm phù hợp với Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết CCN An Khánh 1 được phê duyệt tại Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 và Quyết định số 2350/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của UBND tỉnh về thành lập CCN An Khánh 1. Đồng thời, làm rõ sự phù hợp của việc thực hiện dự án với các quy định pháp luật về đất đai và hoàn thiện các hồ sơ pháp lý về đầu tư, quy hoạch chi tiết, thành lập CCN theo quy định.	Chủ đầu tư xin tiếp thu và rà soát lại ranh giới, diện tích thực hiện dự án, bảo đảm phù hợp với Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết CCN An Khánh 1 được phê duyệt tại Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 và Quyết định số 2350/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của UBND tỉnh về thành lập CCN An Khánh 1. Diện tích thực hiện dự án đề nghị cấp phép là 47,32ha theo Quyết định thành lập cụm công nghiệp An khánh 1. Chủ đầu tư xin tiếp thu và báo cáo lại UBND xã An Khánh về diện tích thực hiện dự án theo diện tích thành lập cụm CN.	Trang 9
	Đề nghị làm rõ quy mô, hiện trạng và tiến độ đầu tư các hạng mục công trình của dự án, phân định rõ các hạng mục đã hoàn thành, đang đầu tư và tiếp tục đầu tư, gồm san nền, đường giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thu gom và thoát nước mưa, hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải, trạm bơm nước thải, cây xanh và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác. Đồng thời, rà soát, bảo đảm tỷ lệ diện	- Chủ đầu tư xin tiếp thu và sẽ bổ sung đầy đủ bảng quy mô hiện trạng, hạng mục đầu tư mới trong báo cáo. - Tỷ lệ cây xanh trong dự án là 59.722,25m^2, chiếm tỷ lệ 12,62%. Trong đó có bố trí dải cây xanh cách ly xung quanh CCN với chiều rộng 10m. Theo QCVN 01:2021/BXD tỷ lệ tối thiểu đối với đất cây xanh trong khu cụm công nghiệp là 10%, phải bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu cụm công nghiệp với chiều rộng ≥10m. Như vậy đối chiếu theo quy định về tỷ lệ cây xanh và bố trí cây xanh của cụm công nghiệp là đảm bảo theo quy định của pháp luật.	Trang 28-41

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
	tích cây xanh của CCN phù hợp với quy hoạch và quy định hiện hành.		
	Đề nghị bổ sung bảng tổng hợp, phân tích và giải trình cụ thể các nội dung thay đổi, điều chỉnh so với Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt; đối chiếu từng nội dung thay đổi với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành để xác định rõ tính chất, mức độ thay đổi, đối tượng phải thực hiện thủ tục môi trường và cơ sở áp dụng quy trình giải quyết hồ sơ đề nghị cấp GPMT của CCN.	Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung bảng tổng hợp những thay đổi điều chỉnh so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt vào nội dung báo cáo. Trong đó có nội dung bổ sung trạm XLNT có sự điều chỉnh so với đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; mục c, điểm 3, khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; mục IV.10, phụ lục IV Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 dự án thuộc nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, thuộc đối tượng phải lập báo cáo ĐTM, nay thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo điểm a, khoản 1 Mục VII, phần A, phụ lục IX Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026, thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên theo II.2, Mục B, Phụ lục IX Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 và Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 03/7/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Trên cơ sở đó, Công ty cổ phần nhiệt điện An Khánh đã tổ chức lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (GPMT) cho dự án theo quy định.	Trang 53, 54
	Đề nghị làm rõ cơ sở pháp lý của việc sử dụng, cải tạo trạm XLNT hiện hữu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện An Khánh để chuyển thành trạm XLNT tập trung của CCN An Khánh 1. Đồng thời, làm rõ phương án duy trì việc thu gom, xử lý nước thải của Nhà máy Nhiệt điện An Khánh trong thời gian cải tạo, nâng cấp trạm XLNT; bảo đảm hoạt động của Nhà máy không bị gián đoạn và không phát sinh nguy cơ xả nước thải chưa được xử lý ra môi trường.	* Trạm XLNT sản xuất hiện hữu của Công ty cổ phần nhiệt điện An Khánh hiện nay đang được sử dụng để xử lý nước thải sản xuất phát sinh của nhà máy nhiệt điện An Khánh. Công ty cổ phần nhiệt điện An Khánh là chủ sở hữu CCN An Khánh 1 và nhà máy nhiệt điện An Khánh. Vị trí trạm XLNT hiện hữu đang nằm trong diện tích quy hoạch hạ tầng kỹ thuật của CCN. Do đó việc chuyển đổi trạm XLNT sản xuất của nhà máy thành trạm XLNT tập trung của CCN hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật (có cùng chủ sở hữu, nằm trong diện tích quy hoạch trạm XLNT). * Phương án thu gom, xử lý nước thải của nhà máy Nhiệt điện An Khánh trong thời gian cải tạo trạm XLNT: Các hạng mục cải tạo chủ yếu là thay đổi công năng bể, đổi tên bể, không thực hiện cải tạo bể, do đó thời gian cải tạo không nhiều (khoảng 01 ngày), mức độ ảnh hưởng đến nhu cầu xử lý nước thải phát sinh từ nhà máy nhiệt điện An Khánh không lớn. Lúc này sẽ căn cứ vào tình hình xả thải của nhà máy để điều chỉnh công năng cho phù hợp. Sau khi điều chỉnh công năng xong nước thải sản xuất của nhà máy nhiệt điện An Khánh tiếp tục được dẫn qua trạm XLNT để xử lý đạt chuẩn trước khi xả ra ngoài môi trường.	Trang 129,130
	Đề nghị rà soát, xác định cụ thể các	* Chủ đầu tư xin tiếp thu rà soát nguồn nước thải đề nghị cấp phép, lưu lượng từng nguồn,	Trang 178

<table>
<tr><th>STT</th><th>Ý kiến Đoàn kiểm tra</th><th>Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo</th><th>Trang trong báo cáo</th></tr>
<tr><td></td><td>nguồn nước thải đề nghị cấp phép, lưu lượng của từng nguồn và tổng lưu lượng xả thải. Xem xét sự phù hợp giữa công suất trạm XLNT tập trung theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết là 1.100 m³/ngày đêm với lưu lượng dòng thải đề nghị cấp phép là 1.976,5 m³/ngày đêm; làm rõ cơ sở tính toán và rà soát, điều chỉnh các thông số bảo đảm thống nhất với quy hoạch, thiết kế công trình và hồ sơ đề nghị cấp GPMT.</td><td>tổng lượng thải như sau:
Gồm 03 nguồn phát sinh với tổng lưu lượng tối đa khoảng 2.000 m^3/ngày.đêm, cụ thể:
- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các nhà máy thứ cấp, nhà vệ sinh khu vực văn phòng điều hành trong Cụm công nghiệp (CCN) An Khánh 1.
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ các nhà máy thứ cấp trong Cụm công nghiệp An Khánh 1.
- Nguồn số 03: Nước thải từ máy ép bùn trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp An Khánh 1.
<table>
<tr><th>TT</th><th>Nguồn phát sinh</th><th>Công đoạn phát sinh</th><th>Lưu lượng (m^3/ngđ)</th><th>Thành phần</th><th>Ghi chú</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Nguồn số 01</td><td>Nước thải sinh hoạt từ các nhà máy thứ cấp trong Cụm công nghiệp An Khánh 1</td><td>78,5</td><td>Hợp chất hữu cơ, vi sinh vật</td><td rowspan="4">Dẫn về Trạm XLNT tập trung của CCN để xử lý khoảng 995m^3/ngđ (còn lại khoảng 1.005m^3/ngđ nước làm mát nhà máy nhiệt điện An Khánh đấu vào đầu ra của trạm – trước điểm lấy mẫu quan trắc tự động liên tục)</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Nguồn số 02</td><td>Nước thải sản xuất từ các nhà máy thứ cấp trong Cụm công nghiệp An Khánh 1</td><td>1.921</td><td>Chất rắn lơ lửng, pH, dầu mỡ</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Nguồn số 03</td><td>Nước thải từ máy ép bùn trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp An Khánh 1</td><td>0,5</td><td>Hợp chất hữu cơ, vi sinh vật</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="2">Tổng</td><td>2.000</td><td></td><td></td></tr>
</table>
Theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết là 1.100 m³/ngày đêm, chủ đầu tư đã báo cáo</td><td></td></tr>
</table>

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
		lại UBND xã An Khánh và thực hiện điều chỉnh nâng công suất trạm lên 2.000m^3/ngđ để đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của CCN.	
	Đề nghị bổ sung, làm rõ các thiết bị, hóa chất sử dụng tại trạm XLNT; thuyết minh cơ sở lựa chọn công nghệ và đánh giá hiệu suất, hiệu quả xử lý của từng công đoạn/bể xử lý đối với các thông số ô nhiễm đặc trưng trong nước thải. Trên cơ sở đó, chứng minh khả năng xử lý của toàn hệ thống, bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 40:2025/BTNMT theo quy chuẩn, cột và đối tượng áp dụng tương ứng.	* Chủ đầu tư xin tiếp thu bổ sung, làm rõ các thiết bị, hóa chất sử dụng tại trạm XLNT, hiệu quả xử lý từng công đoạn vào báo cáo. Hóa chất sử dụng gồm: PAC, PAM, NaOH, NaClO, HCl, Methano/mật rỉ đường, NaHCO3, lượng sử dụng được trình bày chi tiết trong báo cáo.	Trang 23
	Đề nghị bổ sung, làm rõ phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với trạm XLNT, gồm các công trình, thiết bị, khả năng lưu chứa, phương án cô lập và quy trình vận hành khi xảy ra sự cố, bảo đảm không xả nước thải chưa đạt quy chuẩn ra môi trường. Đồng thời, rà soát sự phù hợp của thời gian vận hành thử nghiệm sau khi được cấp GPMT, trong bối cảnh Chủ dự án dự kiến thực hiện cải tạo, nâng cấp trạm XLNT sau khi được cấp phép; bảo đảm nội dung, thời điểm và thời gian vận hành thử phù hợp với tiến độ thực tế của công trình.	* Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với trạm XLNT như sau: ** Sự cố do máy móc thiết bị* - Trường hợp xảy ra sự cố do máy móc thiết bị, cần tuân thủ hướng dẫn vận hành trạm XLNT theo quy định. Vận hành thiết bị dự phòng, kiểm tra máy móc phát hiện nguyên nhân gây sự cố và thực hiện biện pháp ứng phó theo hướng dẫn. - Giảm hoặc ngưng bơm nước thải từ bể điều hòa lên tuyến xử lý chính để tránh quá tải cho các công đoạn khác. - Khi thiết bị được sửa chữa hoặc thay thế, vận hành trở lại hệ thống theo thứ tự ưu tiên từng công đoạn, theo dõi liên tục chất lượng đầu ra trong ít nhất 24 giờ để đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định. ** Chất lượng nước thải đầu ra vượt quy chuẩn xả thải cho phép:* - Sự cố nước thải không đạt quy chuẩn khi qua trạm quan trắc tự động liên tục: Đối với trường hợp hệ thống vận hành không ổn định dẫn đến đầu ra vượt chuẩn, CCN dự kiến sẽ bố trí 01 van đóng trên đường ống thoát nước thải, lúc này van được đóng lại, không thực hiện xả nước thải ra ngoài môi trường. Thực hiện đánh giá lại nguyên nhân do dòng nào bị sự cố, nếu	Trang 169-171

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
		dòng sinh hoạt bị sự cố toàn bộ nước thải sinh hoạt sẽ được dẫn vào bể sự cố dòng sinh hoạt để khắc phục, trường hợp dòng sản xuất bị sự cố thì nước thải sẽ được dẫn vào bể sự cố dòng sản xuất để khắc phục. Trường hợp dòng nước làm mát bị sự cố, lúc này sẽ đóng van xả nước làm mát, thực hiện lưu chứa tại bể chứa nước làm mát của nhà máy, thực hiện khắc phục trước khi đấu nối về trạm xử lý. ** Sự cố đối với cụm bể xử lý nước thải sinh hoạt:* Khi xảy ra sự cố đối với cụm bể xử lý sinh học, nước thải sẽ được dẫn vào bể sự cố dòng sinh hoạt (T-501) để lưu chứa, sau khi khắc phục xong sự cố nước thải sẽ được bơm trở lại bể điều hòa nước thải sinh hoạt (T-301) để xử lý theo quy trình. + Đối với sự cố non tải: Khi xảy ra sự cố non tải cần có phương án xử lý cho hệ sinh hoạt (tránh ảnh hưởng đến hoạt động của vi sinh). Lúc này dẫn toàn bộ nước thải về bể điều hòa sinh hoạt (T-301), tiến hành chạy theo mẻ với lưu lượng nhất định. Vận hành máy thổi khí chạy gián đoạn và bổ sung thêm cơ chất (liều chỉ nhằm duy trì hô hấp nội bào) để đảm bảo sinh khối được duy trì. Lúc này không xả bùn dư và tuần hoàn toàn bộ lượng bùn sinh ra trong quá trình vận hành giai đoạn này để tránh thất thoát. Theo dõi các chỉ số DO, pH, SV30, MLSS hàng ngày để có sự điều chỉnh phù hợp. Khi nước thải duy trì ổn định, không tăng tải đột ngột mà tiến hành tăng dần lưu lượng cấp nước, cấp khí, lưu lượng hồi lưu, lưu lượng tuần hoàn để tránh sốc tải. + Đối với sự cố quá tải: Tạm dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải, lưu chứa nước tạm thời trong toàn bộ các bể gom, bể xử lý, bể sự cố đã xây dựng. Trong trường hợp chờ khắc phục sự cố kéo dài quá thời gian cho phép lưu nước tại trạm XLNT sinh hoạt tập trung, thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý. + Đối với sự cố tắc, rò rỉ đường ống: Khóa các van đường ống dẫn đến các vị trí nứt vỡ đảm bảo chuyển hướng dòng nước để hệ thống tiếp tục hoạt động và tiến hành sửa chữa tại vị trí xảy ra sự cố. Thường xuyên nạo vét hệ thống thu gom nước thải, vệ sinh thiết bị hệ thống xử lý. + Kiểm soát chất lượng nước thải của đơn vị thứ cấp: Chủ dự án thực hiện lấy mẫu định kỳ và đột xuất kiểm soát, giám sát chất nước thải của các đơn vị thứ cấp đấu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung CCN. Trường hợp nước thải của các đơn vị thứ cấp vượt yêu cầu đấu nối nước thải, Chủ dự án khoá van đấu nối nước thải và yêu cầu chủ dự án thứ cấp xử lý nước thải đạt yêu cầu trước khi đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung. * Thời gian vận hành thử nghiệm Thực hiện vận hành thử nghiệm sau khi được cấp giấy phép môi trường, 6 tháng tính từ	Trang 181

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
		ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.	
	Đề nghị bổ sung, làm rõ các thỏa thuận giữa Chủ đầu tư hạ tầng CCN với Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI về đấu nối và sử dụng hạ tầng kỹ thuật của CCN, đặc biệt là hệ thống thu gom, xử lý nước thải. Rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện Báo cáo đề xuất cấp GPMT của CCN An Khánh 1 bảo đảm đúng Mẫu số 22c ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT; rà soát đầy đủ các văn bản pháp lý, hồ sơ và tài liệu kỹ thuật tại phụ lục báo cáo. Chủ dự án chịu trách nhiệm về tính pháp lý, độ tin cậy, chính xác và trung thực của thông tin, số liệu trong hồ sơ theo quy định của pháp luật.	* Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung biên bản thỏa thuận giữa chủ đầu tư hạ tầng cụm và Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI về đấu nối và sử dụng hạ tầng kỹ thuật của CCN. * Chủ đầu tư xin tiếp thu và chỉnh sửa hoàn thiện Báo cáo đề xuất cấp GPMT của CCN An Khánh 1 bảo đảm đúng Mẫu số 22c ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT. * Chủ đầu tư cam kết chịu trách nhiệm về tính pháp lý, độ tin cậy, chính xác và trung thực của thông tin, số liệu trong hồ sơ theo quy định của pháp luật.	Phụ lục báo cáo
8	**Ông Dương Văn Hiền - Chuyên viên Chi cục BVMT, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên - Thành viên thư ký**		
	Làm rõ các nội dung đã trao đổi, thảo luận tại mục 2.3 nêu trên. Đề nghị Chủ dự án làm rõ và thống nhất cơ sở pháp lý đối với diện tích thực hiện dự án; đồng thời làm rõ công suất trạm XLNT, lưu lượng nước thải phát sinh và lưu lượng đề nghị cấp phép xả thải để làm căn cứ xác định chính xác nội dung đề nghị cấp GPMT.	Chủ dự án tiếp thu ý kiến Hội đồng và sẽ rà soát, đối chiếu toàn bộ hồ sơ pháp lý về quy hoạch, thành lập CCN, đất đai và hiện trạng sử dụng đất để xác định chính xác diện tích thực hiện dự án. Đối với trạm XLNT, Chủ dự án sẽ rà soát lại công suất thiết kế, công suất xử lý, lượng nước thải phát sinh thực tế và dự kiến, lưu lượng nước thải đề nghị cấp phép xả thải, đồng thời đối chiếu với năng lực của hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung.	-
	Đề nghị làm rõ quá trình thay đổi	Công ty cổ phần nhiệt điện An Khánh được UBND tỉnh Thái Nguyên giao làm chủ đầu tư	Trang 56

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
	quy mô, diện tích của dự án qua từng giai đoạn; nêu rõ nguyên nhân điều chỉnh, phạm vi diện tích được điều chỉnh, phần diện tích không còn thuộc dự án và căn cứ pháp lý của từng lần điều chỉnh, bảo đảm thống nhất giữa các hồ sơ pháp lý và Báo cáo đề xuất cấp GPMT.	hạ tầng Cụm công nghiệp An Khánh số 1 tại Văn bản 863/UBND-SXKD ngày 11/6/2009, được Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đầu tư số 1722100031 ngày 08/7/2009 và được Sở Công thương cấp giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh thay đổi lần thứ 01 ngày 31/5/2011. Tuy nhiên, CCN An Khánh số 1 chưa được thành lập theo quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp. Cụm công nghiệp An Khánh số 1 được phê duyệt Quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 2006/QĐ-UBND ngày 20/8/2009 của UBND tỉnh Thái Nguyên và được UBND huyện Đại Từ (cũ) phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 31/02/2022 với diện tích 64,6ha. Theo phương án phát triển CCN tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023, CCN An Khánh 1 được quy hoạch với diện tích 50ha. Sau khi rà soát lại ranh giới Cụm công nghiệp An Khánh 1 trên bản đồ quy hoạch tỉnh Thái Nguyên và bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Đại Từ (cũ) thời kỳ 2021-2030. Diện tích CCN An Khánh 1 có trong ranh giới quy hoạch 47,32ha, còn lại 2,68ha nằm ngoài ranh giới quy hoạch sử dụng đất huyện Đại Từ (cũ). Đến ngày 30/9/2024 UBND tỉnh Thái Nguyên đã thành lập Cụm công nghiệp An Khánh 1 tại Quyết định số 2350/QĐ-UBND với diện tích 47,32ha. Để đảm bảo phù hợp quy hoạch cũng như phù hợp quy định thành lập cụm, Công ty cổ phần nhiệt điện An Khánh đã lập hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường cho dự án CCN An Khánh 1 với quy mô diện tích 47,32ha.	
	Đề nghị làm rõ căn cứ pháp lý đề nghị cấp GPMT; xác định cụ thể phạm vi, quy mô và các hạng mục công trình thuộc phạm vi đề nghị cấp phép, bảo đảm phù hợp với hồ sơ pháp lý, hiện trạng dự án và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.	* Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung căn cứ pháp lý lập hồ sơ đề nghị cấp GPMT vào báo cáo: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp An Khánh số 1 được UBND giao cho Công ty cổ phần nhiệt điện An Khánh làm chủ đầu tư tại Văn bản số 863/UBND-SXKD ngày 11/6/2009; được Ban quản lý các khu công nghiệp (KCN) tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 17221000031 ngày 08/7/2009 và được Sở Công thương cấp giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 31/5/2011. Dự án được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 2006/QĐ-UBND ngày 20/8/2009 với diện tích khu đất 64,6 ha và được UBND huyện Đại Từ (cũ) điều chỉnh cục bộ quy hoạch tại Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 21/02/2022. Dự án được UBND tỉnh Thái Nguyên phê	Trang 31, 32

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
		duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) tại Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 10/01/2011, theo nội dung ĐTM được phê duyệt, CCN không xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung, các cơ sở thứ cấp có trách nhiệm xây dựng công trình xử lý nước thải, xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải . Trong quá trình triển khai, CCN An Khánh 1 đã hình thành và hiện nay đã đi vào hoạt động với 02 dự án đầu tư, tỷ lệ lấp đầy đạt 100%. Trong đó Nhà máy xi măng Quán Triều được Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI đầu tư xây dựng từ năm 2008 đến năm 2011 chính thức đi vào hoạt động. Nhà máy nhiệt điện An Khánh được Công ty Cổ phần nhiệt điện An Khánh đầu tư xây dựng từ năm 2010 đến năm 2015 chính thức đi vào hoạt động. Đến ngày 30/9/2024 UBND tỉnh đã ra Quyết định số 2350/QĐ-UBND về việc thành lập Cụm công nghiệp An Khánh 1, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên và Quyết định điều chỉnh số 3050/QĐ-UBND ngày 29/9/2026; diện tích 47,32ha. Dự án Cụm công nghiệp An Khánh 1 được UBND xã An Khánh phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tại Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 và Quyết định điều chỉnh số 1293/QĐ-UBND ngày 30/10/2026. Trong đó quy mô đầu tư là xây dựng hoạn thiện hạ tầng kỹ thuật CCN bảo đảm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn của nhà nước, bao gồm các hạng mục chính: đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, công trình xử lý nước thải, chất thải, các công trình phụ trợ khác. Chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CCN theo quy hoạch, trong đó có việc đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung. Để đảm bảo các quy định hiện hành, Công ty cổ phần Nhiệt điện An Khánh đã thực hiện các thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư CCN An Khánh 1, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên. Các hạng mục thực hiện trong giai đoạn này bao gồm hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đầu tư trạm XLNT tập trung cho cụm. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; mục c, điểm 3, khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; mục IV.10, phụ lục IV Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 dự án thuộc nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, thuộc đối tượng phải lập báo cáo ĐTM, nay thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo điểm a, khoản 1 Mục VII, phần A, phụ lục IX Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026, thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi	

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
		trường tỉnh Thái Nguyên theo II.2, Mục B, Phụ lục IX Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 và Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 03/7/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên. * **Phạm vi đề nghị cấp giấy phép môi trường**: Thực hiện cấp phép môi trường cho hạ tầng CCN An Khánh 1, đối với các đơn vị thứ cấp hoạt động trong CCN sẽ thực hiện hồ sơ cấp phép môi trường riêng.	
	Đề nghị làm rõ công suất thiết kế và khả năng tiếp nhận thực tế của trạm XLNT tập trung; lưu lượng nước thải của từng đơn vị thứ cấp, vị trí và phương thức đấu nối, tiêu chuẩn nước thải đầu vào và tiêu chuẩn đấu nối. Bổ sung các biên bản/thỏa thuận đấu nối giữa Chủ đầu tư hạ tầng CCN và các đơn vị thứ cấp làm cơ sở xác định nguồn thải, lưu lượng tiếp nhận và trách nhiệm quản lý, xử lý nước thải.	* Công suất trạm: 2.000m^3/ngày. * Khả năng tiếp nhận thực tế của trạm XLNT tập trung: Nước thải phát sinh từ CCN An Khánh 1 bao gồm nước thải sản xuất (1.921m^3/ngđ), nước thải sinh hoạt (78,5m^3/ngđ), nước thải máy ép bùn trạm XLNT 0,5m^3/ngđ. Tổng lưu lượng phát sinh khoảng 2.000m^3. Trong đó nước thải dẫn về trạm xử lý khoảng 995m^3/ngđ, còn lại 1.005m^3/ngđ nước làm mát của Nhà máy nhiệt điện An Khánh sau khi xử lý đạt chuẩn được kiểm soát tại trạm tự động của CCN rồi thoát ra ngoài qua cửa xả. * Lưu lượng nước thải của từng đơn vị thứ cấp: - Nhà máy xi măng Quán Triều: Nước thải sinh hoạt 40 m^3/ngđ; nước thải sản xuất 50 m^3/ngđ. - Nhà máy nhiệt điện An Khánh: Nước thải sản xuất 1.871 m^3/ngđ (trong đó có 866m^3/ngđ dẫn về hệ xử lý, 1.005m^3/ngđ nước thải được đấu vào đầu ra trạm xử lý trước khi qua trạm quan trắc tự động), nước thải sinh hoạt là 37,5m^3/ngđ; * Vị trí và phương thức đấu nối: + Nhà máy xi măng Quán Triều: Số lượng 02 điểm, gồm 01 điểm đấu nối nước thải sinh hoạt và 01 điểm đấu nối nước thải sản xuất. Mỗi nguồn xả của nhà máy xi măng Quán Triều dẫn về trạm sẽ có đồng hồ đo lưu lượng để đo lượng nước thải dẫn về trạm. + Nhà máy nhiệt điện An Khánh: : Nước thải phát sinh từ nhà máy nhiệt điện An Khánh sẽ đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của CCN qua 08 điểm đấu nối (có lắp đồng hồ đo lưu lượng, trong đó nước thải sản xuất 07 điểm, nước thải sinh hoạt 01 điểm). Đối với nước làm mát không dẫn về trạm tập trung sẽ đấu vào đường ống thoát nước thải sau xử lý qua 01 điểm (trước khi dẫn qua trạm quan trắc tự động liên tục, có lắp đồng hồ đo lưu lượng). Tổng điểm đấu nối nước thải của nhà máy nhiệt điện An Khánh về trạm XLNT của CCN là 09 điểm. * Tiêu chuẩn đấu nối: Nước thải nhà máy nhiệt điện An Khánh được đấu nối trực tiếp.	Trang 42, 43, 118 Trang 16

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
		Nước thải nhà máy xi măng Quán Triều đảm bảo đạt QCVN 40:2025/BTNMT cột B đối với nước thải sinh hoạt, đối với nước thải sản xuất đạt QCVN 40:2025/BTNMT (cột A đối với chỉ tiêu kim loại nặng, cột B với các chỉ tiêu còn lại) trước khi đấu nối. * Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung biên bản thỏa thuận đấu nối giữa chủ đầu tư hạ tầng CCN và đơn vị thứ cấp vào phụ lục báo cáo.	Phụ lục
	Đề nghị thuyết minh lại đầy đủ, thống nhất quy trình công nghệ của trạm XLNT tập trung; tính toán tải lượng, nồng độ các chất ô nhiễm đầu vào và hiệu suất xử lý của từng công đoạn, làm cơ sở đánh giá hiệu quả xử lý của toàn hệ thống. Bổ sung, làm rõ chủng loại, liều lượng và phương thức sử dụng hóa chất trong quá trình xử lý.	* Chủ đầu tư xin tiếp thu bổ sung, làm rõ các thiết bị, hóa chất sử dụng tại trạm XLNT, hiệu quả xử lý từng công đoạn vào báo cáo. Hóa chất sử dụng gồm: PAC, PAM, NaOH, NaClO, HCl, Methano/mật rỉ đường, NaHCO3, lượng sử dụng được trình bày chi tiết trong báo cáo.	Trang 155-164
	Bổ sung bảng tính toán cân bằng nước của toàn bộ dự án, bảo đảm thống nhất giữa lượng nước cấp, sử dụng, tuần hoàn, tái sử dụng và lượng nước thải phát sinh. Bổ sung sơ đồ tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước mưa và nước thải, thể hiện rõ các điểm giao cắt và giải pháp phòng ngừa, chống đấu nối nhầm. Đồng thời, làm rõ biện pháp kiểm soát nước mưa chảy tràn tại khu vực chứa nguyên liệu, khu lưu giữ chất thải và trạm XLNT; xác định lưu lượng thiết kế theo trận mưa tính toán, khả năng tiêu thoát, giải pháp chống ngập và phòng	* Chủ đầu tư xin tiếp thu và sẽ bổ sung sơ đồ cân bằng nước cho toàn bộ dự án vào báo cáo. Lượng nước thải xả ra ngoài môi trường là 2.000m^3/ngày đêm. * Chủ đầu tư xin tiếp thu bổ sung bản vẽ thoát nước mưa, nước thải vào phụ lục báo cáo. * Biện pháp kiểm soát nước mưa chảy tràn: Đối với khu vực chứa nguyên liệu (chủ yếu là hóa chất sử dụng cho trạm xử lý nước thải), khu vực lưu chứa chất thải được để trong khu vực có mái che hạn chế ảnh hưởng bởi nước mưa chảy tràn. Đối với trạm XLNT: Một số công trình bố trí có mái che, xung quanh trạm có rãnh thu gom nước mưa chảy tràn để hạn chế ảnh hưởng bởi nước mưa chảy tràn.	Trang 22 Phụ lục Trang 51

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
	ngừa nước mưa chảy tràn gây tràn nước thải chưa xử lý.		
	Đề nghị rà soát, bổ sung đầy đủ các nguồn phát sinh khí thải, mùi trong phạm vi dự án và phân định rõ nguồn thuộc các doanh nghiệp thứ cấp, nguồn phát sinh từ các công trình hạ tầng và nguồn phát sinh trong quá trình vận hành trạm XLNT. Bổ sung thông tin về khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, gồm vị trí, quy mô, kết cấu, thiết bị lưu chứa và các yêu cầu bảo đảm an toàn môi trường.	* Đối với khí thải, mùi phát sinh trong phạm vi dự án chủ yếu từ hệ thống xử lý nước thải. Tuy nhiên trong quy hoạch CCN An Khánh 1, khu vực trạm xử lý nước thải đặt tại lô đất HTKT-01 cách nhà dân gần nhất khoảng 250m, đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường theo quy định tại QCVN 01:2025/BNTMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đếm sức khỏe con người. Với khoảng cách này đảm bảo không ảnh hưởng tới các hộ dân sống khu vực xung quanh. Đối với khí mùi phát sinh từ hoạt động của các đơn vị thứ cấp sẽ được đề cập trong hồ sơ cấp phép của từng đơn vị. * Vị trí lưu giữ chất thải nguy hại: Kho CTNH phát sinh từ hoạt động của CCN được bố trí tại lô đất HTKT-02 với diện tích 25m^2, kho xây tường gạch, mái lợp tôn, nền xi măng có rãnh thu, có biển báo, dấu hiệu CTNH để lưu chứa riêng các loại CTNH. Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định. Đối với CTNH phát sinh từ đơn vị thứ cấp sẽ do đơn vị thứ cấp tự thu gom và quản lý theo quy định.	Trang 56 Trang 18
	Bổ sung, làm rõ các công trình, thiết bị và biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với trạm XLNT, đặc biệt trong trường hợp hệ thống xử lý ngừng hoạt động hoặc xử lý không đạt yêu cầu. Đồng thời, rà soát, hoàn thiện chương trình quan trắc môi trường; xác định lại vị trí, số lượng các điểm quan trắc và các thông số, tần suất quan trắc bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành và đặc điểm các nguồn thải của dự án.	* Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với trạm XLNT vào báo cáo. * Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung đầy đủ chương trình quan trắc giai đoạn vận hành thử nghiệm vào báo cáo. Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT dự án thực hiện đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả công trình xử lý ít nhất 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm, tần xuất quan trắc nước thải tối thiểu 15 ngày/lần (mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải) và đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý ít nhất 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh, tần suất quan trắc nước thải 01 lần/ngày (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn: 01 mẫu nước thải đầu vào và 07 mẫu nước thải đầu ra của công trình xử lý nước thải). * Vị trí lấy mẫu: Tại bể điều hòa đầu vào của trạm xử lý (gồm 01 mẫu tại bể điều hòa dòng nước thải sản xuất và 01 mẫu tại bể điều hòa dòng nước thải sinh hoạt); Tại cửa xả	Trang 168-171 Trang 181-184

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
		nước thải sau trạm xử lý.	
II	**Kết luận phiên họp**		
1	Về thông tin chung		
	Rà soát, cập nhật đầy đủ các căn cứ pháp lý, quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành; thống nhất tên dự án, tên đơn vị hành chính, tên chủ dự án và các thông tin trong toàn bộ hồ sơ với các tài liệu pháp lý liên quan.	* Chủ đầu tư xin tiếp thu rà soát cập nhật đầy đủ căn cứ pháp lý, quy chuẩn hiện hành vào báo cáo * Tên dự án: Dự án Cụm công nghiệp An Khánh 1, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên (theo Quyết định điều chỉnh số 3050/QĐ-UBND ngày 29/9/2026) * Chủ dự án: Công ty Cổ phần nhiệt điện An Khánh.	Phụ lục báo cáo
	Rà soát, thống nhất các số liệu về quy mô dự án, diện tích, công suất, nhu cầu sử dụng nước, lượng nước thải phát sinh, khối lượng chất thải, tiến độ thực hiện dự án và các thông số kỹ thuật của các công trình bảo vệ môi trường; chỉnh sửa các sai khác giữa phần thuyết minh, bảng biểu, bản vẽ và phụ lục.	Chủ dự án xin tiếp thu và rà soát, thống nhất số liệu trong báo cáo - Diện tích: 47,32ha; - Nhu cầu sử dụng nước: nước cho khu điều hành, khu hạ tầng, tưới cây, rửa đường khoảng 207,5m^3/ngđ, nước chữa cháy khoảng 972m^3/ngđ, nước sử dụng cho các đơn vị thứ cấp (theo nhu cầu thực tế) 8.365 m^3/ngđ gồm sử dụng cho sản xuất, sinh hoạt tại mỗi đơn vị. - Nước thải phát sinh: Nhà máy nhiệt điện An Khánh lượng thải khoảng 37,5m^3/ngđ là nước thải sinh hoạt, 1.871m^3/ngđ là nước thải sản xuất. Nhà máy xi măng Quán Triều khoảng 50m^3/ngđ là nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt khoảng 40m^3/ngđ. * Tiến độ thực hiện dự án: Thi công trong thời gian 03 tháng Các nội dung khác chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung vào báo cáo.	Toàn báo cáo
	Bổ sung, làm rõ hiện trạng đầu tư hạ tầng kỹ thuật của Cụm công nghiệp; tiến độ hoàn thiện các công trình bảo vệ môi trường, đặc biệt là hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, trạm xử lý nước thải tập trung, cây xanh cách ly và các hạng mục theo quy hoạch được phê duyệt.	* Hiện trạng đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp: CCN An Khánh 1 đã được Công ty Cổ phần nhiệt điện An Khánh thực hiện các thủ tục đầu tư hạ tầng và đi vào hoạt động với 02 nhà máy sản xuất gồm xi măng và nhiệt điện. Đến nay một phần hạ tầng đã được các đơn vị thứ cấp đầu tư hoàn thiện, tuy nhiên chưa đồng bộ; để đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định Công ty tiếp tục thực hiện, đầu tư hoàn thiện hạ tầng đảm bảo nhu cầu hoạt động của các đơn vị thứ cấp trong CCN. * Tiến độ hoàn thiện các công trình BVMT: Trong thời gian 03 tháng.	Trang 32 – 34 Trang 13
	Bổ sung, hoàn thiện thông tin về hiện trạng môi trường khu vực dự án, hiện trạng nguồn tiếp nhận nước	* Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung hoàn thiện thông tin hiện trạng môi trường khu vực dự án, các hiện trạng nguồn tiếp nhận nước thải, khu dân cư, đối tượng nhạy cảm môi trường, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng đa dạng sinh học và khả năng chịu tải của môi trường vào	Trang 58-61

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
	thải (suối Chàm Hồng), hiện trạng khu dân cư, đối tượng nhạy cảm về môi trường, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng đa dạng sinh học và khả năng chịu tải của môi trường làm cơ sở đánh giá sự phù hợp của dự án.	báo cáo	
2	Về đánh giá, dự báo tác động môi trường của dây chuyền sản xuất và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường		
	Đối với nước thải: Rà soát, làm rõ toàn bộ các nguồn phát sinh nước thải của Cụm công nghiệp; phân định rõ phạm vi quản lý nước thải giữa chủ đầu tư hạ tầng và các doanh nghiệp thứ cấp; bổ sung, hoàn thiện sơ đồ thu gom, thoát nước mưa, nước thải hiện trạng và sau khi hoàn thành dự án. Làm rõ phương án cải tạo trạm xử lý nước thải hiện hữu thành trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp; bổ sung thuyết minh chi tiết các hạng mục cải tạo, xây dựng mới, công suất xử lý theo từng giai đoạn, khả năng tiếp nhận nước thải, phương án đấu nối của các cơ sở thứ cấp và tiến độ thực hiện. Rà soát, bổ sung cơ sở xác định nhu cầu sử dụng nước, cân bằng nước, lưu lượng nước thải phát sinh, đặc điểm, thành phần nước thải của từng nguồn; làm rõ cơ sở tính toán tải lượng ô nhiễm và hiệu quả xử	Chủ đầu tư xin tiếp thu và rà soát, làm rõ toàn bộ nguồn phát sinh nước thải của CCN gồm: nước thải sản xuất và sinh hoạt của 02 đơn vị thứ cấp đang hoạt động trong CCN là nhà máy xi măng Quán Triều và nhà máy nhiệt điện An Khánh. Tổng lượng nước thải phát sinh khoảng 1.998,5m^3/ngđ. * Phạm vi quản lý nước thải: Các nhà máy trong CCN có phát sinh nước thải sản xuất, sinh hoạt phải thực hiện xử lý sơ bộ tại chỗ (đối với Nhà máy xi măng Quán Triều nước thải sản xuất xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT cột A đối với chỉ tiêu kim loại nặng và cột B đối với các chỉ tiêu còn lại, nước thải sinh hoạt được xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT (cột B); đối với Nhà máy nhiệt điện An Khánh nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt được đấu nối trực tiếp vào trạm XLNT tập trung của CCN. Chủ đầu tư cụm là Công ty Cổ phần nhiệt điện An Khánh có trách nhiệm duy tu, vận hành trạm XLNT tập trung của cụm, đảm bảo chất lượng nước thải đạt đầu ra theo quy định. * Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung vào phụ lục báo cáo các bản vẽ thu gom nước mưa, nước thải của CCN gồm hiện trạng và đầu tư mới. * Phương án cải tạo trạm XLNT tập trung: - Trạm XLNT tập trung của CCN được thiết kế làm 02 hệ xử lý, bao gồm 01 hệ hóa lý để xử lý nước thải sản xuất và 01 hệ sinh học xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ các đơn vị thứ cấp trong Cụm. Trong đó: + Hệ hóa lý sẽ được tận dụng các bể, thiết bị hiện có của trạm xử lý nước thải sản xuất của nhà máy nhiệt điện An Khánh. + Hoán đổi công năng một bể chứa dòng không liên tục thành bể sự cố nước thải sản xuất để tăng cường khả năng ứng phó sự cố của hệ thống. Tiến hành cắt bỏ đường ống đấu nối các nguồn thải khác vào bể này và điều chỉnh đường ống công nghệ từ bể điều hòa, thiết bị lọc về bể để đảm bảo chức năng lưu chứa khi hệ thống gặp sự cố.	Trang 31 Trang 15 Phụ lục Trang 45

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
	lý. Hoàn thiện nội dung mô tả công nghệ xử lý nước thải, làm rõ nguyên lý hoạt động của từng công trình, thông số kỹ thuật của thiết bị, hóa chất sử dụng, thời gian lưu, dung tích các bể, hiệu quả xử lý từng công đoạn; rà soát, đánh giá tính phù hợp của công nghệ xử lý đối với đặc tính nước thải của Cụm công nghiệp. Đồng thời, rà soát, bổ sung các thông số của bể sự cố, hệ thống xử lý sinh học, hệ thống xử lý hóa lý; hoàn thiện các bản vẽ mặt bằng, mặt cắt, cao trình, sơ đồ đường ống, đường bùn, đường hóa chất, đường khí và các bản vẽ liên quan; làm rõ vị trí đấu nối, lưu lượng, tọa độ điểm xả, chế độ xả thải, khả năng tiếp nhận của nguồn tiếp nhận và trách nhiệm của các bên trong quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.	+ Hoán đổi công năng một bể chứa dòng không liên tục thành bể điều hòa của toàn bộ dòng nước thải sản xuất từ 02 nhà máy chuyển về. Tiến hành điều chỉnh các đường ống đấu nối nước thải từ các nguồn về bể để đảm bảo chức năng lưu chứa và điều hòa lưu lượng, nồng độ trước khi chuyển sang công đoạn xử lý tiếp theo. + Hệ sinh học: Xây dựng mới hệ xử lý nước thải sinh hoạt công suất 120 m^3/ngày.đêm. + Đổi tên bể chứa nước sạch thành bể trung gian để tiếp nhận nước thải sau xử lý từ hệ hóa lý và hệ sinh học trước khi qua thiết bị lọc tinh. - Bổ sung hệ thống quan trắc online để đáp ứng yêu cầu kiểm soát nước thải đầu ra theo quy định của pháp luật. * Phương án đấu nối: + Nhà máy xi măng Quán Triều: Số lượng 02 điểm, gồm 01 điểm đấu nối nước thải sinh hoạt và 01 điểm đấu nối nước thải sản xuất. Mỗi nguồn xả của nhà máy xi măng Quán Triều dẫn về trạm sẽ có đồng hồ đo lưu lượng để đo lượng nước thải dẫn về trạm. + Nhà máy nhiệt điện An Khánh: : Nước thải phát sinh từ nhà máy nhiệt điện An Khánh sẽ đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của CCN qua 08 điểm đấu nối (có lắp đồng hồ đo lưu lượng, trong đó nước thải sản xuất 07 điểm, nước thải sinh hoạt 01 điểm). Đối với nước làm mát không dẫn về trạm tập trung sẽ đấu vào đường ống thoát nước thải sau xử lý qua 01 điểm (trước khi dẫn qua trạm quan trắc tự động liên tục, có lắp đồng hồ đo lưu lượng). Tổng điểm đấu nối nước thải của nhà máy nhiệt điện An Khánh về trạm XLNT của CCN là 09 điểm. * Tiến độ thực hiện: 03 tháng * Cơ sở xác định nhu cầu sử dụng nước, cân bằng nước, lưu lượng nước thải phát sinh: Căn cứ vào nhu cầu sử dụng thực tế và lượng thải thực tế của các đơn vị thứ cấp đang hoạt động trong CCN. * Đặc điểm, thành phần nước thải của từng nguồn: Đối với dòng sản xuất nước thải chứa: TSS, dầu mỡ, nhiệt độ; Đối với dòng sinh hoạt nước thải chứa: BOD_5, COD, chất dinh dưỡng (N, P), Coliform, … * Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung vào báo cáo công nghệ xử lý nước thải, nguyên lý hoạt động của từng công trình, thông số kỹ thuật của thiết bị, hóa chất sử dụng, thời gian lưu, dung tích các bể, hiệu quả xử lý từng công đoạn; rà soát, đánh giá tính phù hợp của công nghệ xử lý đối với đặc tính nước thải của Cụm công nghiệp.	Trang 41-42 Trang 43 Trang 150-164

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
		* Chủ đầu tư xin tiếp thu, rà soát, bổ sung các thông số của bể sự cố, hệ thống xử lý sinh học, hệ thống xử lý hóa lý; hoàn thiện các bản vẽ mặt bằng, mặt cắt, cao trình, sơ đồ đường ống, đường bùn, đường hóa chất, đường khí và các bản vẽ liên quan; vị trí đấu nối, lưu lượng, tọa độ điểm xả, chế độ xả thải, khả năng tiếp nhận của nguồn tiếp nhận và trách nhiệm của các bên trong quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung vào báo cáo	Phụ lục báo cáo, trang 150-164
	Đối với bụi khí thải: Rà soát, bổ sung các nguồn phát sinh khí thải; làm rõ các biện pháp thu gom, xử lý; rà soát các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý và quy chuẩn áp dụng.	Khí thải phát sinh từ CCN gồm khí mùi từ trạm XLNT tập trung và khí thải từ hoạt động của các đơn vị thứ cấp. Để hạn chế tác động thực hiện trồng cây xanh cách ly xung quanh Cụm, trên trục đường giao thông nội bộ, kiểm tra việc tuân thủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải của các đơn vị thứ cấp. Đối với trạm XLNT của CCN thực hiện trang bị bảo hộ lao động cho công nhân, đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường theo quy định…	Trang 137-140
	Đối với chất thải rắn và chất thải nguy hại: Rà soát, thống nhất khối lượng chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh; bổ sung cơ sở tính toán; hoàn thiện phương án thu gom, phân loại, lưu giữ và chuyển giao theo quy định. Bổ sung tổng hợp khối lượng chất thải nguy hại phát sinh của toàn Cụm công nghiệp; làm rõ vị trí, quy mô các khu lưu giữ chất thải và phương án quản lý.	Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung đầy đủ vào báo cáo: Chất thải rắn sinh hoạt 330 kg/ngày; chất thải rắn sản xuất khoảng 200.070 tấn/năm, chất thải nguy hại khoảng 20 tấn/năm. Khối lượng phát sinh dựa trên khối lượng thực tế phát sinh tại các đơn vị đang hoạt động trong cụm. - Đối với chất thải rắn phát sinh từ các đơn vị thứ cấp sẽ do các đơn vị tự thu gom, quản lý. Chất thải phát sinh do hoạt động của hạ tầng CCN sẽ do chủ đầu tư thu gom và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định. - Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của hạ tầng CCN sẽ được thu gom vào kho CTNH có diện tích 25m^2 đặt tại lô HTKT-02, sau đó thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.	Trang 95-97 Trang 135, 136
	Về tiếng ồn, độ rung và các yếu tố môi trường khác: + Bổ sung nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung (bao gồm máy phát điện dự phòng) và các biện pháp giảm thiểu. + Bổ sung thông tin về diện tích cây xanh và các biện pháp cải thiện	* Nguồn phát sinh tiếng ồn độ rung: Từ máy thổi khí tại hệ thống xử lý nước thải tập trung, máy phát điện dự phòng. * Biện pháp giảm thiểu: Trồng cây xanh cách ly quanh CCN, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân, lắp thiết bị chống rung, ồn tại khu nhà xưởng… * Diện tích cây xanh và biện pháp cải thiện môi trường: Hệ thống xây xanh của CCN đã được các đơn vị thứ cấp đang hoạt động đầu tư hoàn thiện tại các vị trí CX-CQ, CXCL -06, CXCL-07 với tổng diện tích 34.622,08m^2. Khi triển khai dự án sẽ giữ nguyên hiện trạng hệ thống cây xanh đã được các doanh nghiệp trong CCN đầu tư. Thực hiện đầu tư hệ thống cây	Trang 180 Trang 166 Trang 38

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
	môi trường khu vực.	xanh, thảm cỏ tại các lô đất cây xanh còn lại chưa được đầu tư gồm lô CXCL-01, CXCL-02, CXCL-03, CXCL-04, CXCL-05 với tổng diện tích 25.100,17m^2	
3	Về nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường		
	Rà soát, hoàn thiện các nội dung đề nghị cấp Giấy phép môi trường theo đúng mẫu quy định; thống nhất các thông tin về nguồn thải, vị trí xả thải, lưu lượng, chế độ xả, quy chuẩn áp dụng, thông số kiểm soát và chương trình quản lý môi trường.	Chủ đầu tư xin tiếp thu rà soát, hoàn thiện các nội dung đề nghị cấp Giấy phép môi trường theo quy định về nguồn thải, vị trí xả thải, lưu lượng, chế độ xả, quy chuẩn áp dụng, thông số kiểm soát và chương trình quản lý môi trường vào báo cáo	Trang 178-180
	Rà soát chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và giai đoạn vận hành chính thức; bổ sung đầy đủ vị trí, tần suất, thông số quan trắc; làm rõ trách nhiệm quản lý, vận hành và giám sát của chủ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp.	Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung đầy đủ chương trình quan trắc giai đoạn vận hành thử nghiệm vào báo cáo. Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT dự án thực hiện đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả công trình xử lý ít nhất 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm, tần xuất quan trắc nước thải tối thiểu 15 ngày/lần (mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải) và đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý ít nhất 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh, tần suất quan trắc nước thải 01 lần/ngày (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn: 01 mẫu nước thải đầu vào và 07 mẫu nước thải đầu ra của công trình xử lý nước thải). * Chủ đầu tư CCN có trách nhiệm vận hành trạm XLNT đạt quy chuẩn trước khi xả thải, giám sát việc đấu nối nước thải của các đơn vị thành viên đạt quy chuẩn đấu nối trước khi vào trạm.	Trang 181-185
4	Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường		
	Bổ sung, phân tích đầy đủ các tình huống sự cố môi trường có thể xảy ra đối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải, đặc biệt là các sự cố của hệ thống xử lý sinh học, hóa lý, mất điện, dừng vận hành, sự cố bể chứa, bể sự cố và các công trình phụ trợ.	Một số sự cố có thể xảy ra: Một số sự cố có thể xảy ra: - Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống thoát nước thải dẫn tới toàn bộ các chất ô nhiễm và vi sinh vật trong nước thải phát thải vào môi trường với nồng độ chưa đạt giới hạn tiêu chuẩn cho phép gây ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận. - Hư hỏng các thiết bị máy bơm, máy sục khí, thiết bị định lượng hóa chất… làm cho hệ thống xử lý dừng hoạt động, chưa kịp thay thế hoặc sửa chữa.	Trang 122

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
		- Hư hỏng, vỡ bể xử lý nước thải, đường ống dẫn nước thải. - Hệ thống xử lý nước thải buộc phải ngừng hoạt động do thiết bị bơm, thổi khí hỏng hoặc hệ thống ngừng làm việc do mất điện. - Ngộ độc vi sinh do môi trường xử lý không ổn định (pH tăng hoặc giảm, thiếu ôxi, dinh dưỡng,…), làm giảm hiệu quả xử lý, gây mùi hôi thối. - Lượng hóa chất khử trùng không đủ dẫn đến nguồn nước sau xử lý không đảm bảo yêu cầu. - Lưu lượng nước thải tăng lên đột ngột, do nước mưa tràn vào hệ thống thu gom, làm tràn nước thải chưa xử lý ra môi trường. - Các sự cố do hỏng các thiết bị, hệ thống đo, cảm biến tự động của trạm quan trắc tự động. - Các sự cố non tải, quá tải có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động trạm xử lý nước thải.	
	Hoàn thiện phương án ứng phó sự cố; làm rõ trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung và bảo đảm không xả nước thải chưa đạt quy chuẩn ra môi trường trong mọi tình huống.	Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung phương án phòng ngừa ứng phó sự cố vào báo cáo.	Trang 168-170
5	Nội dung khác		
	Rà soát, hoàn thiện các hồ sơ pháp lý của dự án, trong đó điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp bảo đảm phù hợp với hiện trạng sử dụng đất, quy mô đầu tư và công suất trạm xử lý nước thải tập trung; rà soát, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án (nếu cần) phù hợp với tình hình triển khai thực tế và các văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền; đồng	Chủ đầu tư xin tiếp thu và bổ sung vào báo cáo: - Đã thực hiện báo cáo đơn vị có chức năng điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp bảo đảm phù hợp với hiện trạng sử dụng đất, quy mô đầu tư và công suất trạm xử lý nước thải tập trung và điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án.	Phụ lục báo cáo

STT	Ý kiến Đoàn kiểm tra	Các nội dung giải trình/ chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo	Trang trong báo cáo
	thời hoàn thiện hồ sơ pháp lý đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung do các doanh nghiệp thứ cấp đã đầu tư, làm rõ việc chuyển giao, tiếp nhận hoặc xác lập quyền quản lý, sử dụng tài sản theo quy định nhằm bảo đảm thống nhất chủ thể quản lý các công trình bảo vệ môi trường và đủ cơ sở pháp lý để đề nghị cấp Giấy phép môi trường.		
	Rà soát, chỉnh sửa toàn bộ nội dung báo cáo bảo đảm thống nhất giữa phần thuyết minh, bảng biểu, bản vẽ và các hồ sơ pháp lý kèm theo; khắc phục các lỗi trình bày, lỗi viện dẫn và thuật ngữ chuyên môn.	Chủ đầu tư xin tiếp thu và chỉnh sửa toàn bộ nội dung báo cáo đảm bảo thống nhất.	Toàn báo cáo
	Bổ sung đầy đủ các tài liệu, hồ sơ, bản vẽ hoàn công, tài liệu chứng minh việc đầu tư các công trình bảo vệ môi trường theo quy định.	Chủ đầu tư xin tiếp thu bổ sung đầy đủ văn bản pháp lý liên quan đến dự án, tài liệu chứng minh việc đầu tư công trình bảo vệ môi trường theo quy định, các bản vẽ hoàn công vào báo cáo	Phụ lục
	Tiếp thu, chỉnh sửa các nội dung khác theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định và bản nhận xét chi tiết của các thành viên Hội đồng gửi kèm.	Chủ đầu tư xin tiếp thu và chỉnh sửa các nội dung khác the o Biên bản họp Hội đồng thẩm định và bản nhận xét chi tiết của các thành viên Hội đồng gửi kèm.	Toàn báo cáo
	Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của toàn bộ số liệu, thông tin và các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường	Công ty Cổ phần nhiệt điện An Khánh cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của toàn bộ số liệu, thông tin và các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường	